



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP



Australian Government
Department of Foreign Affairs and Trade



CẨM NANG HƯỚNG DẪN

TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ



UN WOMEN LÀ CƠ QUAN LIÊN HỢP QUỐC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ, ĐƯỢC THÀNH LẬP ĐỂ THÚC ĐẨY TIẾN TRÌNH ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI TRÊN TOÀN THẾ GIỚI.

UN Women hỗ trợ các quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc đạt được các tiêu chuẩn toàn cầu nhằm đạt được bình đẳng giới, đồng thời hợp tác với các chính phủ và tổ chức xã hội dân sự để xây dựng luật, chính sách, chương trình và dịch vụ cần thiết nhằm đảm bảo rằng các tiêu chuẩn này được thực hiện hiệu quả và mang lại lợi ích thiết thực cho phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, UN Women đóng góp vào các mục tiêu phát triển của Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, tập trung vào hỗ trợ Việt Nam thực hiện các cam kết về Bình đẳng giới theo Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và lời hứa của Chương trình nghị sự phát triển bền vững năm 2030 “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Hiện nay, luật pháp và các chính sách hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt

Nam đã tương đối hoàn thiện, giúp các doanh nghiệp tiếp cận thị trường tiềm năng và mở rộng các cơ hội kinh doanh. Tuy nhiên, các DNNVV do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt với nhiều trở ngại tài chính và phi tài chính cản trở họ phát huy hết tiềm năng kinh doanh của mình.

Mặc dù Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định một số chính sách hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp chưa tiếp cận được hoặc tận dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ. Trong thời gian qua, chúng tôi đã hợp tác với Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cải thiện hệ thống pháp luật và hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Chúng tôi mong muốn rằng sẽ có nhiều DNNVV do phụ nữ làm chủ tiếp cận kịp thời và hiệu quả các chính sách hỗ trợ của nhà nước thông qua cuốn Cẩm nang này.

CẨM NANG HƯỚNG DẪN TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Bản quyền thuộc về Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng Giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women).

Mọi quyền được bảo lưu. Việc sao chép và phổ biến các tài liệu trong ấn phẩm này nhằm mục đích giáo dục và phi thương mại được phép mà không cần có sự cho phép trước bằng văn bản của UN Women với điều kiện nguồn được ghi rõ. Việc sao chép ấn phẩm này để bán lại hoặc vì các mục đích thương mại khác đều bị cấm nếu không có sự cho phép của UN Women. Đơn xin phép có thể được gửi đến địa chỉ register.vietnam@unwomen.org

**Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)
Văn phòng tại Việt Nam**

Địa chỉ: 304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3850 0100 Fax: +84 24 3726 5520 <http://vietnam.unwomen.org>

LỜI NÓI ĐẦU

Sau khi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) năm 2017 được ban hành, Chính phủ và các Bộ, ngành đã chủ động xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Đến nay, khuôn khổ pháp lý để triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV cơ bản đã được hoàn thiện với nhiều Nghị định, Thông tư và văn bản hướng dẫn khác để đưa các nội dung hỗ trợ DNNVV theo quy định của Luật vào trong thực tiễn. Bên cạnh đó, công tác triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ này của nhà nước vẫn còn nhiều rào cản và có sự khác biệt khá lớn giữa các địa phương. Điều này phần nào cho thấy, việc truyền thông chính sách và áp dụng thực thi chính sách trong thực tiễn còn hạn chế.

Cẩm nang **“Hướng dẫn tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ”** nhằm cung cấp cho các DNNVV (đặc biệt là DNNVV do phụ nữ làm chủ) các thông tin chi tiết về nội dung, định mức hỗ trợ; quy trình tiếp cận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ phù hợp với nhu cầu và mức độ hấp thụ của doanh nghiệp. Ngoài ra, Cẩm nang cũng giúp các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV, các Bên cung cấp dịch vụ (Nhà thầu) nắm sát quy trình tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ¹, Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư² và Thông tư 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ Tài chính³.

² Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

³ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

⁴ Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 8/8/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ

LỜI CẢM ƠN

Cẩm nang **“Hướng dẫn tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ”** được thực hiện với sự hỗ trợ chuyên môn của Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật của UN Women.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Chính phủ Úc đã hỗ trợ tài chính để thực hiện cuốn Cẩm nang này, trong khuôn khổ Chương trình *“Tạo cơ hội thị trường bình đẳng cho phụ nữ bằng cách thúc đẩy Đa dạng nhà cung cấp thông qua Mua sắm có trách nhiệm giới (SD-GRP) ở Việt Nam –WE RISE Together”*.

Chúng tôi ghi nhận sự hỗ trợ của các chuyên gia của Công ty Cổ phần Seaconsult đã xây dựng cuốn Cẩm nang này và sự hỗ trợ của UN Women: bà Nguyễn Kim Lan đã đánh giá, rà soát và bổ sung kỹ lưỡng về mặt kỹ thuật, bà Hoàng Thảo, Phạm Thị Nga và Nguyễn Kiều Khánh Linh về thiết kế và giao diện của cuốn Cẩm nang. Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn sự đóng góp quý báu và kịp thời của Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cá nhân bà Nguyễn Thị Bích Thủy và bà Nguyễn Tùng Anh. Sự tận tâm và nỗ lực này đã tạo nên một tài liệu thiết thực và ý nghĩa, góp phần giúp các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tiếp cận chính sách hỗ trợ của nhà nước hiệu quả hơn.

Sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên là một minh chứng rõ ràng cho nỗ lực thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền kinh tế cho phụ nữ, và góp phần tạo nên môi trường kinh doanh bền vững cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam.

Tài liệu này được thực hiện thuộc chương trình của UN Women: WE RISE Together - Tạo cơ hội thị trường bình đẳng cho phụ nữ bằng cách thúc đẩy sự đa dạng của nhà cung cấp thông qua Mua sắm đáp ứng giới. Nội dung của tài liệu này không phản ánh quan điểm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hay UN Women.

LỜI NÓI ĐẦU	2
LỜI CẢM ƠN	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	6
DANH MỤC BIỂU TƯỢNG, KÝ HIỆU	7
MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG	8
KHÁI NIỆM VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	9
PHẦN 1 - KHUNG PHÁP LÝ VÀ QUY TRÌNH HỖ TRỢ DNNVV	11
1.1. Nguyên tắc hỗ trợ DNNVV, DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ, DNNVV là DNXH	12
1.2. Cách xác định, lựa chọn doanh nghiệp nhận hỗ trợ	14
1.3. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV	22
1.4. Quy trình lập và giao dự toán	23
1.5. Quy trình lập, trình, phê duyệt dự toán chi tiết	24
1.6. Đấu thầu	24
1.7. Quy trình hỗ trợ DNNVV	26
PHẦN 2 - HƯỚNG DẪN CHI TIẾT DÀNH CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV	33
2.1. Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV	34
2.2. Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV	34
2.3. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV	35
2.4. Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo	37
2.5. Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành	37
2.6. Hỗ trợ DNNVV tham gia chuỗi giá trị	37

PHẦN 3 - HƯỚNG DẪN CHI TIẾT DÀNH CHO DNNVV

DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ 38

3.1. Quy trình DNNVV đề xuất nhu cầu và nhận hỗ trợ 39

3.2. Hỗ trợ về công nghệ 40

3.3. Hỗ trợ về tư vấn 41

3.4. Hỗ trợ về phát triển nguồn nhân lực 42

3.5. Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo 43

3.6. Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị 45

3.7. Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh 47

PHẦN 4 – CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP 49

PHỤ LỤC 54

Phụ lục 1: Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ 55

Phụ lục 2: Quy trình tổ chức khóa đào tạo 57

Phụ lục 3: Mẫu hợp đồng giữa tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp với Các bên cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo 64

Phụ lục 4: Mẫu hồ sơ khóa đào tạo 68

Phụ lục 5: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành 75

Phụ lục 6: Đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp 76

Phụ lục 7: Mạng lưới tư vấn viên 77

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BBTL	Biên bản thanh lý hợp đồng	KHCN	Khoa học và Công nghệ
CNTT	Công nghệ thông tin	KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
CQNN	Cơ quan Nhà nước	KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
CQTCHT	Cơ quan, tổ chức hỗ trợ	KNST	Khởi nghiệp sáng tạo
CT	Công thương	NĐ80	Nghị định số 80/2021/NĐ-CP
DN	Doanh nghiệp	NN PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa	NSNN	Ngân sách nhà nước
DNXH	Doanh nghiệp xã hội	NSĐP	Ngân sách địa phương
Đ	Điều	NSTW	Ngân sách trung ương
ĐP	Địa phương	TC	Tài chính
HĐ	Hợp đồng	TT06	Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
HĐND	Hội đồng nhân dân	TT52	Thông tư số 52/2023/TT-BTC
HSMT	Hồ sơ mời thầu	TTTT	Thông tin và Truyền thông
K	Khoản	TTV	Tư vấn viên, bao gồm cá nhân tư vấn và tổ chức tư vấn
KBNN	Kho bạc nhà nước	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BIỂU TƯỢNG, KÝ HIỆU

	Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
	Kho bạc nhà nước
	Bên cung cấp dịch vụ (Nhà thầu)
	Mạng lưới tư vấn viên

MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG

Cuốn Cẩm nang nhằm cung cấp các hướng dẫn cho DNNVV, đặc biệt là DNNVV do phụ nữ làm chủ tăng cường khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ từ NSNN, thông qua các Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV, theo nội dung và định mức hỗ trợ quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP, Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT và Thông tư 52/2023/TT-BTC, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh để tham gia thị trường và chuỗi cung ứng bền vững.

Cuốn Cẩm nang này cũng đặc biệt hữu ích đối với các Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cũng như là tài liệu tham khảo rất tốt cho các Bên cung cấp dịch vụ (Nhà thầu) để có thể tham gia thực hiện các chương trình hỗ trợ DNNVV từ nguồn ngân sách nhà nước.

Cuốn cẩm nang bao gồm 4 phần:



Phần 1

**KHUNG PHÁP LÝ VÀ QUY TRÌNH
HỖ TRỢ DNNVV**



Phần 2

**HƯỚNG DẪN CHI TIẾT DÀNH CHO
CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV**



Phần 3

**HƯỚNG DẪN CHI TIẾT DÀNH CHO
DNNVV DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ**



Phần 4

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

KHÁI NIỆM VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

- 01. DNNVV (K1 Đ4 Luật Hỗ trợ DNNVV):** Bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí:
- Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;
 - Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.
- 02. DNNVV do phụ nữ làm chủ (K1 Đ3 Luật Hỗ trợ DNNVV):** Là DNNVV có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.
- 03. DNNVV là doanh nghiệp xã hội (K1 Đ10 Luật Doanh nghiệp 2020):** Khi có mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng, sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký.
- 04. DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (K2 Đ3 Luật Hỗ trợ DNNVV):** Là DNNVV được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.
- 05. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (K4 Đ3 NĐ80, K7 Đ2 TT06):** Là các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ DNNVV, bao gồm:
- Cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, UBND cấp tỉnh và
 - Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các đơn vị tại khoản (i) nói trên.
- 06. Bên cung cấp (Điểm d K2 Đ1 TT06):** Là Nhà thầu (gồm Tổ chức, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc Cá nhân) được Chủ đầu tư⁵ lựa chọn theo quy định pháp luật về đấu thầu, để cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ DNNVV.
- 07. Mạng lưới Tư vấn viên (K7 Đ3 NĐ80):** Là tập hợp các Tổ chức tư vấn và Cá nhân tư vấn, có chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác nhau đáp ứng nhu cầu của DNNVV, được các Bộ công nhận trên cơ sở các tiêu chí do các Bộ ban hành và được công bố công khai để hỗ trợ DNNVV.

⁵ Chủ đầu tư là Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV được giao nhiệm vụ tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ DNNVV

- 08. Doanh nghiệp đầu chuỗi** (K11 Đ3 NĐ80): Là các doanh nghiệp ở quy mô khác nhau, có mối liên kết thương mại với các DNNVV trong chuỗi giá trị; định hướng, kiểm soát toàn bộ hoặc các công đoạn khác nhau của chuỗi giá trị nhằm tạo giá trị tăng thêm cho sản phẩm, dịch vụ và thực hiện bán sản phẩm, dịch vụ trong và ngoài nước.
- 09. Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa** (sau đây gọi là cơ sở kỹ thuật) (K5 Đ3 Luật Hỗ trợ DNNVV): Là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ DNNVV thiết kế, thử nghiệm, đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu.
- 10. Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa** (sau đây gọi là cơ sở ươm tạo) (K6 Đ3 Luật Hỗ trợ DNNVV): Là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.
- 11. Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo** (sau đây gọi là khu làm việc chung) (K8 Đ3 Luật Hỗ trợ DNNVV): Là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.



PHẦN 1
KHUNG PHÁP LÝ VÀ QUY TRÌNH HỖ TRỢ DNNVV

PHẦN 1

KHUNG PHÁP LÝ VÀ QUY TRÌNH HỖ TRỢ DNNVV

1.1 NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ DNNVV, DNNVV DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ, DNNVV SỬ DỤNG NHIỀU LAO ĐỘNG NỮ, DNNVV LÀ DNXH

- a. Nội dung hỗ trợ: DNNVV được hưởng các nội dung hỗ trợ về: (1) công nghệ (K1, 2, 3, 4 Đ11 NĐ80); (2) tư vấn (K2 Đ13 NĐ80); (3) phát triển nguồn nhân lực (K1, 2, 3 Đ14 NĐ80); (4) hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (Đ22 NĐ80); (5) hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (Đ25 NĐ80); (6) hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Đ15, 16, 17, 18, 19 NĐ80) và (7) miễn phí tiếp cận thông tin trên Cổng Thông tin doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Trang thông tin điện tử của các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội.
- b. Nguyên tắc hỗ trợ:
 - i. DNNVV nộp hồ sơ trước được hỗ trợ trước.
 - ii. DNNVV được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất trong cùng nội dung hỗ trợ nếu đáp ứng đồng thời điều kiện tại NĐ80 và quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - iii. Trong cùng một thời điểm, DNNVV được nhận nhiều nội dung hỗ trợ quy định tại NĐ80 nhưng không trùng lặp.
 - iv. DNNVV không bị hạn chế số lần hỗ trợ hoặc số lượng hợp đồng hỗ trợ đối với các nội dung hỗ trợ tính theo “triệu đồng/năm/DN” hoặc “triệu đồng/năm”, nhưng phải đảm bảo không vượt quá tỉ lệ, định mức hỗ trợ tối đa tại NĐ80.
 - v. DNNVV chỉ được nhận 1 lần hỗ trợ trong 1 năm đối với các nội dung hỗ trợ tính theo “triệu đồng/hợp đồng/năm/DN”.

- c. DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ, DNNVV là DNXH:
- Được ưu tiên hỗ trợ trước trong trường hợp nhiều DNNVV cùng nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ
 - Được hưởng mức hỗ trợ cao hơn tại nội dung hỗ trợ về tư vấn, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.
 - Được ưu tiên bố trí NSNN để hỗ trợ
- d. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ DNNVV, bao gồm:
- Nguồn ngân sách nhà nước, chi thường xuyên (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương)
 - Nguồn đóng góp, tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và nguồn kinh phí hợp tác khác ngoài ngân sách nhà nước.
- e. Việc hỗ trợ thực hiện thông qua Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV.
- f. Các nội dung hỗ trợ về tư vấn: phải sử dụng Tư vấn viên đã được các Bộ công nhận (K9 Đ3 TT06).



1.2. CÁCH XÁC ĐỊNH, LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP NHẬN HỖ TRỢ

1.2.1. Cách xác định DNNVV

Theo quy định tại Đ5 NĐ80, có 2 cách xác định DNNVV như tại Hình 1.



Hình 1. Cách xác định DNNVV

Quy mô của DNNVV	Tiêu chí Tổng doanh thu + Lao động		Tiêu chí Tổng nguồn vốn + Lao động	
	1) DNNVV trong lĩnh vực <u>nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</u> 2) DNNVV trong lĩnh vực <u>công nghiệp và xây dựng</u>	3) DNNVV trong lĩnh vực <u>thương mại và dịch vụ</u>	1) DNNVV trong lĩnh vực <u>nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</u> 2) DNNVV trong lĩnh vực <u>công nghiệp và xây dựng</u>	3) DNNVV trong lĩnh vực <u>thương mại và dịch vụ</u>
Siêu nhỏ	≤ 3 tỷ đồng ≤ 10 lao động	≤ 10 tỷ đồng ≤ 10 lao động	≤ 3 tỷ đồng ≤ 10 lao động	≤ 3 tỷ đồng ≤ 10 lao động
Nhỏ	≤ 50 tỷ đồng ≤ 100 lao động	≤ 100 tỷ đồng ≤ 50 lao động	≤ 20 tỷ đồng ≤ 100 lao động	≤ 50 tỷ đồng ≤ 50 lao động
Vừa	≤ 200 tỷ đồng ≤ 200 lao động	≤ 300 tỷ đồng ≤ 100 lao động	≤ 100 tỷ đồng ≤ 200 lao động	≤ 100 tỷ đồng ≤ 100 lao động

Trong đó:

(i) Xác định lĩnh vực hoạt động của DNNVV (Đ6 NĐ80): Căn cứ vào ngành, nghề kinh doanh chính mà doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

(ii) Xác định số lao động có tham gia bảo hiểm xã hội (Đ7 NĐ80):

- Số lao động sử dụng có tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.
- Số lao động sử dụng có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động sử dụng có tham gia bảo hiểm xã hội của tất cả các tháng trong năm trước liền kề chia cho 12 tháng.

Số lao động sử dụng có tham gia bảo hiểm xã hội của tháng được xác định tại thời điểm cuối tháng và căn cứ trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của tháng đó mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động sử dụng có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động sử dụng có tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

(iii) Xác định tổng nguồn vốn (Đ8 NĐ80):

- Tổng nguồn vốn của năm thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế. Tổng nguồn vốn của năm được xác định tại thời điểm cuối năm.
- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.

(iv) Xác định tổng doanh thu (Đ9 NĐ80):

- Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.
- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn

1.2.2. Xác định DNNVV do phụ nữ làm chủ

DNNVV do phụ nữ làm chủ đáp ứng đồng thời 2 tiêu chí sau:

- Có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên
- Có ít nhất một phụ nữ quản lý điều hành doanh nghiệp đó.

Trong đó, người quản lý điều hành doanh nghiệp gồm:

- Người quản lý doanh nghiệp tư nhân.
- Người quản lý công ty.

(Cụ thể: Chủ doanh nghiệp, Chủ công ty; Thành viên hợp danh; Giám đốc, Tổng Giám đốc; Chủ tịch hội đồng thành viên, Thành viên hội đồng thành viên; Chủ tịch hội đồng quản trị, Thành viên hội đồng quản trị; Người quản lý theo điều lệ của Công ty).

1.2.3. Xác định DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ

- Đối với DNNVV ≤ 100 lao động: có trên 50% lao động là phụ nữ
- Đối với DNNVV > 100 lao động: có trên 30% lao động là phụ nữ

1.2.4. Lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

Theo Đ17 Luật Hỗ trợ DNNVV, Đ21 NĐ80 và Đ14 TT06, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được CQTCHT DNNVV lựa chọn để hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời 03 tiêu chí sau:

- i. Có quy mô là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp vừa
- ii. Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.
- iii. Được Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn theo 1 trong 3 phương thức dưới đây:

	Nội dung	Tài liệu chứng minh
Phương thức 1	DNNVV có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo	Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ;
	DNNVV được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế	Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ.
	DNNVV được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao.	Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ.
Phương thức 2	DNNVV đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	- Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 01 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 05 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. Hoặc:
	DNNVV được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư.	- Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 01 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ. Hoặc: Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ,

	Nội dung	Tài liệu chứng minh
		cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 06 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.
Phương thức 3	Lựa chọn thông qua hội đồng: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thành lập hội đồng xét chọn đảm bảo nguyên tắc sau: i. Số lượng thành viên và cơ chế làm việc của Hội đồng do cơ quan thành lập Hội đồng quyết định; ii. Thành viên của Hội đồng có tối thiểu 50% là các chuyên gia tư vấn độc lập. Các thành viên còn lại là đại diện của Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm; iii. Kinh phí hoạt động của Hội đồng được tổng hợp chung trong kinh phí quản lý hỗ trợ DNNVV của Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV.	Hội đồng rà soát giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh của DNNVV; đảm bảo khả năng tăng trưởng tối thiểu 20% trong 2 năm liên tiếp

1.2.5. Lựa chọn DNNVV tham gia cụm liên kết ngành

Theo K2 Đ23 ND 80, Đ16 TT06, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành được Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn để hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau:

- i. Có quy mô là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp vừa
- ii. Được Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn theo 1 trong 4 tiêu chí dưới đây:

Tên tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Tài liệu chứng minh
Tiêu chí 1: DNNVV có hợp đồng mua chung nguyên vật liệu đầu vào:	DNNVV và tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành có hợp đồng mua nguyên vật liệu đầu vào từ một bên cung cấp.	Tối thiểu 01 hợp đồng mua nguyên vật liệu đầu vào của DNNVV với bên cung cấp và xác nhận (hoặc hợp đồng) của bên cung cấp về việc đang cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.
Tiêu chí 2: DNNVV có hợp đồng bán chung sản phẩm	DNNVV và tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành có hợp đồng bán sản phẩm cho một bên thu mua.	Tối thiểu 01 hợp đồng bán sản phẩm của DNNVV ký với bên thu mua và giấy xác nhận (hoặc hợp đồng) của bên thu mua thể hiện việc đang mua sản phẩm từ tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.
Tiêu chí 3: DNNVV có hợp đồng mua bán, hợp tác liên kết giữa các doanh nghiệp trong cụm liên kết ngành	- Hoặc DNNVV có hợp đồng mua, bán sản phẩm với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành; - Hoặc DNNVV có hợp đồng hợp tác liên kết với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.	Tối thiểu 01 hợp đồng đang mua, bán sản phẩm hoặc đang hợp tác liên kết giữa DNNVV với một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành.

Tên tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Tài liệu chứng minh
Tiêu chí 4: DNNVV cùng xây dựng và sử dụng thương hiệu.	- Hoặc DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành đang sử dụng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận hoặc chỉ dẫn địa lý đã được công nhận theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; - Hoặc DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành đang sản xuất sản phẩm, hàng hóa (không bao gồm dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch) đã được công nhận sản phẩm đạt 3 sao trở lên thuộc Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP).	Nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận hoặc chỉ dẫn địa lý hoặc nhãn hiệu của sản phẩm OCOP (từ 3 sao trở lên) mà DNNVV đang sử dụng.



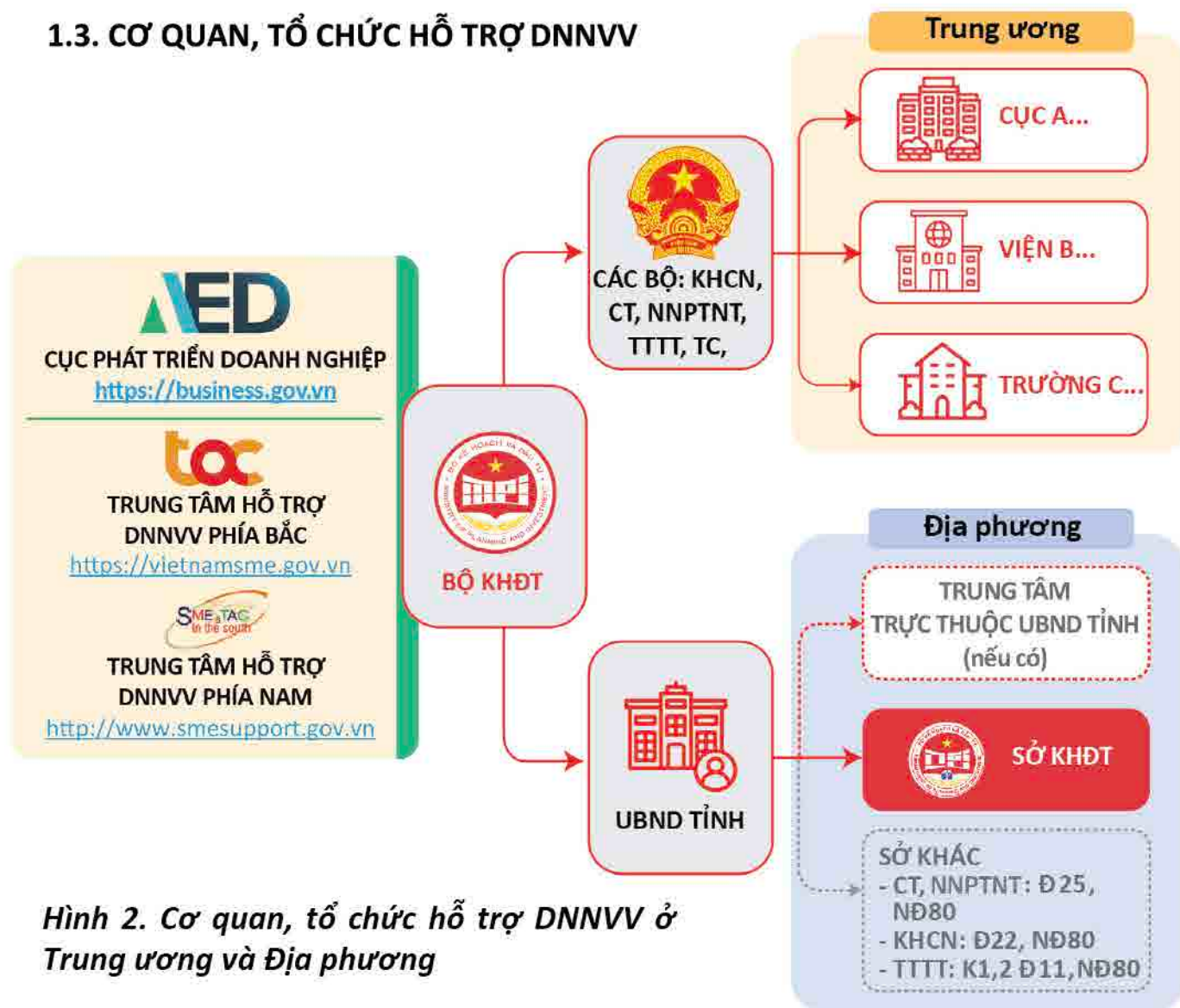
1.2.6. Lựa chọn DNNVV tham gia chuỗi giá trị

Theo K2 Đ24 NĐ80 và Đ17 TT06, DNNVV tham gia chuỗi giá trị được Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn để hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau:

- i. Có quy mô là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp vừa
- ii. Được Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV lựa chọn theo 1 trong 3 tiêu chí dưới đây:

Tên tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Tài liệu chứng minh
Tiêu chí 1: DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi trong chuỗi giá trị	Là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.	Tài liệu xác định quy mô là DNNVV.
Tiêu chí 2: DNNVV có hợp đồng mua bán, hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp đầu chuỗi	DNNVV đang thực hiện hợp đồng mua, bán sản phẩm, dịch vụ hoặc hợp đồng hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi.	DNNVV có tối thiểu 01 hợp đồng mua hoặc bán sản phẩm hoặc hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi.
Tiêu chí 3: DNNVV được doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi.	<u>Cách 1:</u> DNNVV được doanh nghiệp đầu chuỗi xác nhận	Văn bản xác nhận của doanh nghiệp đầu chuỗi.
	<u>Cách 2:</u> Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi theo quy định tại Quyết định số 1358/QĐ-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ban hành ngày 3/8/2023, chi tiết tại link: https://bom.so/4cXQpU 	Tổng điểm đánh giá đạt từ 50 điểm trở lên.

1.3. CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV



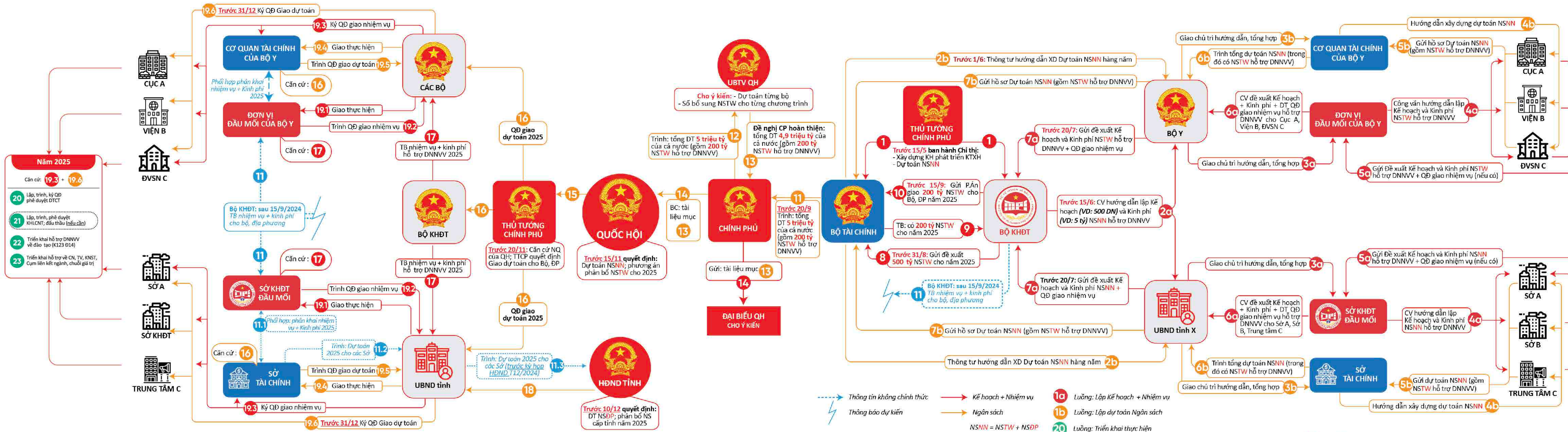
Hình 2. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ở Trung ương và Địa phương

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV bao gồm các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương.

- Tại trung ương là các Cục, Viện, trường, trung tâm thuộc các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo.

Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) là cơ quan đầu mối tổng hợp, theo dõi, đánh giá việc triển khai Luật hỗ trợ DNNVV. Trung tâm hỗ trợ DNNVV phía Bắc và Trung tâm hỗ trợ DNNVV phía Nam là 2 đơn vị thuộc Cục Phát triển doanh nghiệp trực tiếp triển khai hoạt động hỗ trợ DNNVV.

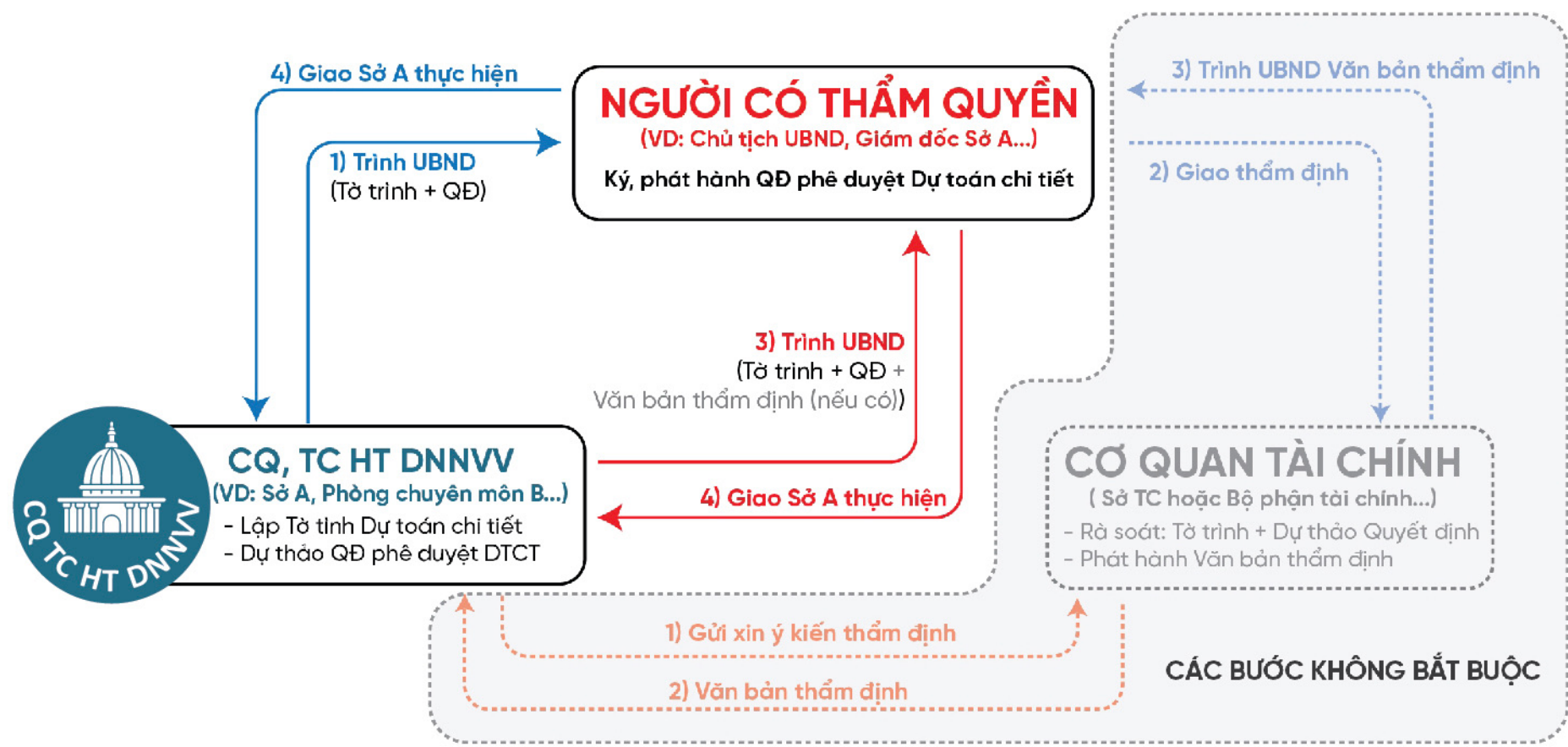
- Tại địa phương: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối triển khai hoạt động hỗ trợ DNNVV. Ngoài ra, có sự tham gia của trung tâm trực thuộc UBND tỉnh và một số Sở liên quan như: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông.



Hình 3: Quy trình hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán

Hình 3 mô tả quy trình lập, tổng hợp dự toán. Theo đó các bước được thực hiện được đánh số thứ tự từ bước 1 đến 23; năm 2024 là năm thực hiện lập, tổng hợp, giao dự toán; hoàn thành trước 31/12/2024. Năm 2025 là năm thực hiện dự toán, thực hiện hỗ trợ DNNVV.

1.5. QUY TRÌNH LẬP, TRÌNH, PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN CHI TIẾT



Hình 4: Quy trình lập, trình, phê duyệt DTCT - BƯỚC SỐ: 20

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNV lập, trình Dự thảo Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết lên NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN, Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNV lựa chọn 1 trong 2 cách trình NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN:

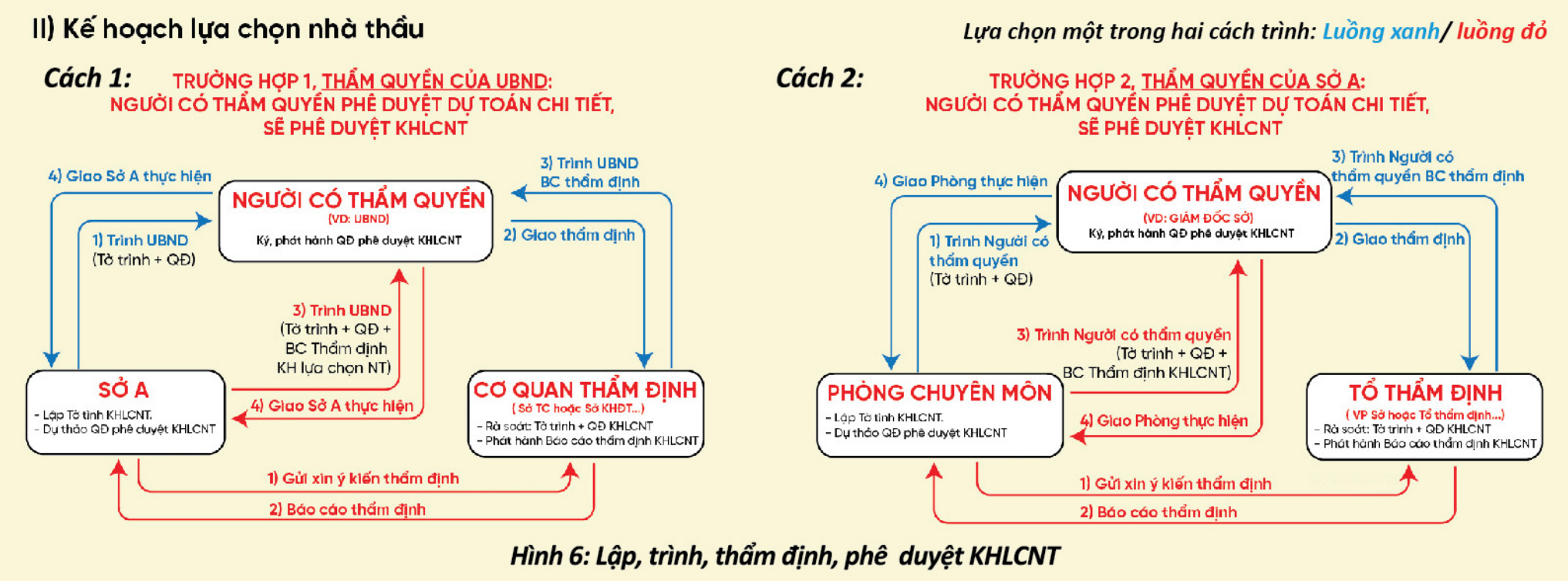
i. Theo luồng màu xanh; hoặc

ii. Theo luồng màu đỏ với các bước thực hiện từ 1 đến 4. Theo đó bước 2,3 là các bước không bắt buộc.

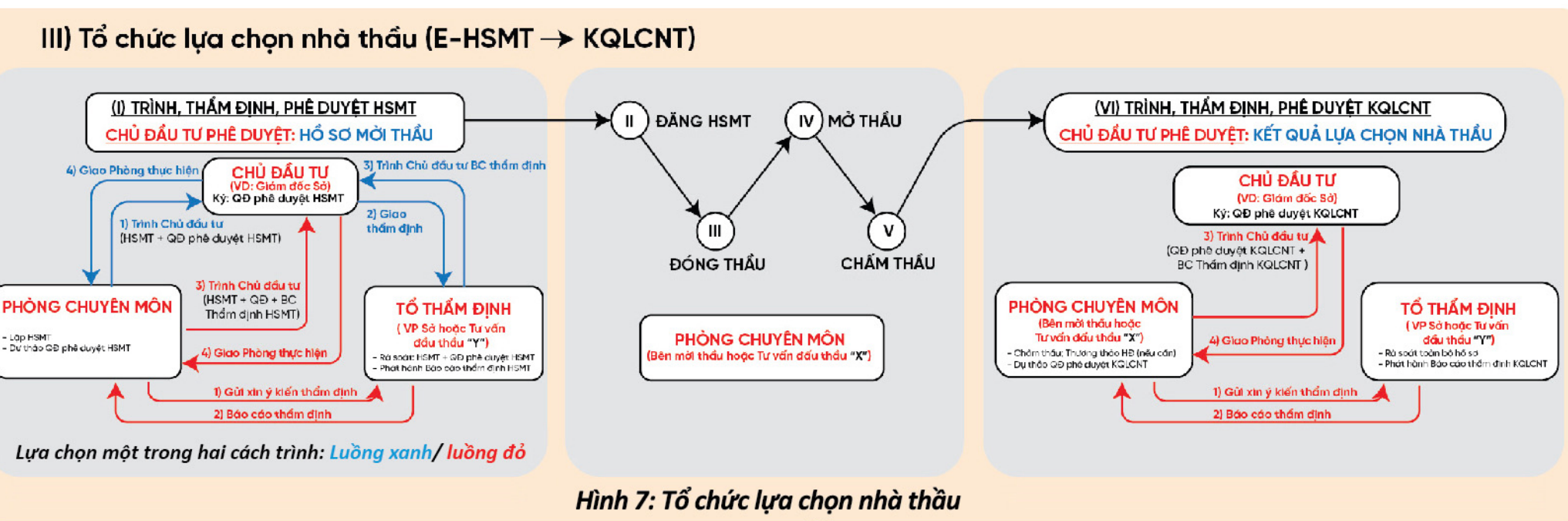
1.6. ĐẦU THẦU

GÓI THẦU	DỊCH VỤ TƯ VẤN (Chuyển đổi số, SHTT, Chuyển giao CN...)	DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN (Đào tạo, hội chợ, thử nghiệm sản phẩm...)	HÀNG HOÁ (Thuê, mua GP CDS Khoản 2 Điều 11 NĐ80)
	Giá gói thầu (VNĐ)	Giá gói thầu (VNĐ)	Giá gói thầu (VNĐ)
≤ 50 triệu	Không phải lập KHLCT	Chỉ xuất hóa đơn	
Từ trên 50 đến ≤ 100 triệu	Hình thức: Chào hàng, cạnh tranh qua mạng Phương thức: 1 gói đoạn 2 túi hồ sơ	Hình thức: Chào hàng, cạnh tranh qua mạng Phương thức: 1 gói đoạn 1 túi hồ sơ	
Từ trên 100 triệu đến ≤ 5 tỷ	Hình thức: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, Phương thức: 1 gói đoạn 2 túi hồ sơ	Hình thức: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, Phương thức: 1 gói đoạn 2 túi hồ sơ	
Từ trên 5 tỷ	Hình thức: Tự thực hiện - Khi Chủ đầu tư có chức năng, nhiệm vụ và đủ năng lực. - Chủ đầu tư không được chuyển nhượng cho đơn vị khác quá 10% khối lượng công việc, hoặc trên 50 tỷ đồng.		
Không quy định hạn mức gói thầu			

Hình 5: Hạn mức đấu thầu



Hình 6: Lập, trình, thẩm định, phê duyệt KHLCT



Hình 7: Tổ chức lựa chọn nhà thầu

BƯỚC SỐ: 21

Chi tiết quy trình đấu thầu:

- 1) Căn cứ các Quyết định tại bước số: 19.3 19.6 20 của cấp có thẩm quyền về
- i. Giao nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV;
- ii. Giao dự toán NSNN hỗ trợ DNNVV;
- iii. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí (NSNN + thu đối ứng từ DNNVV, tài trợ khác) hỗ trợ DNNVV.

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu 2023 để lựa chọn Bên cung cấp dịch vụ (Nhà thầu) thực hiện hỗ trợ cho DNNVV.

2) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự toán và được trình, thẩm định, phê duyệt theo quy định về phân cấp thẩm quyền tại địa phương. Theo đó, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN là người quyết định mua sắm và cũng là người quyết định phê duyệt KHLCT.

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công tại địa phương, Sở A xác định và trình NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN theo Cách 1 hoặc Cách 2 Hình 6.

Ví dụ: Sở A được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và giao dự toán 400 triệu NSTW, nguồn chi sự nghiệp các hoạt động kinh tế, để hỗ trợ DNNVV theo Điều 13 và 25 NĐ80.

Bước 1: Sở A lập dự toán chi tiết theo TT 52: tổng kinh phí hỗ trợ DNNVV là 500 triệu: trong đó NSTW là 400 triệu + 100 triệu thu đối ứng từ DNNVV). Sở A căn cứ Nghị quyết của HĐND địa phương⁶ về phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công: Với dự toán 500 triệu, Sở A trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Bước 2: Sở A lập Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt KHLCT. Theo phân cấp tại địa phương⁷ và căn cứ khoản 24 Điều 4 và khoản 2 Điều 41 Luật Đấu thầu 2023, Sở A phải trình NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN là Chủ tịch UBND tỉnh để phê duyệt KHLCT.

Sở A lựa chọn 1 trong 2 cách trình NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cách 1 Hình 6: (i) theo luồng màu xanh; hoặc (ii) theo luồng màu đỏ với các bước thực hiện từ 1 đến 4.



Hình 8: Ký kết và thực hiện hợp đồng

⁶ Thông thường hiện nay, các địa phương phân cấp cho Giám đốc Sở phê duyệt mua sắm tài sản có giá trị từ 500 triệu trở xuống, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mua sắm tài sản có giá trị từ 500 triệu trở lên (có địa phương phân cấp mạnh, Giám đốc Sở được duyệt mua sắm từ 1 tỷ trở xuống); theo đó đối với dự toán này, Sở phải trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Dự toán chi tiết.

⁷ Sở A căn cứ Nghị quyết của HĐND địa phương, phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công. Thông thường hiện nay, các địa phương phân cấp cho Giám đốc Sở phê duyệt mua sắm tài sản có giá trị từ 500 triệu trở xuống, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mua sắm tài sản có giá trị từ 500 triệu trở lên (có địa phương phân cấp mạnh, Giám đốc Sở được duyệt mua sắm từ 1 tỷ trở xuống); theo đó đối với dự toán này, Sở phải trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Dự toán chi tiết và phê duyệt KHLCT.

3) Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là Đấu thầu rộng rãi, Chào hàng cạnh tranh: Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu theo 6 bước, mô tả tại Hình 7.

Bước I: Lập, trình, thẩm định, phê duyệt E-HSMT (Chủ đầu tư phê duyệt HSMT) Phòng chuyên môn lựa chọn 1 trong 2 cách trình CHỦ ĐẦU TƯ phê duyệt E-HSMT (xem Bước 1 Hình 7):

- i. Theo luồng màu xanh; hoặc
- ii. Theo luồng màu đỏ với các bước thực hiện từ 1 đến 4.

Bước II, III, IV, V: Phòng chuyên môn thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu 2023.

Bước VI: Lập, trình, thẩm định, phê duyệt KQLCNT (Chủ đầu tư phê duyệt KQLCNT) Phòng chuyên môn lựa chọn 1 trong 2 cách trình CHỦ ĐẦU TƯ phê duyệt KQLCNT (xem Bước VI Hình 7):

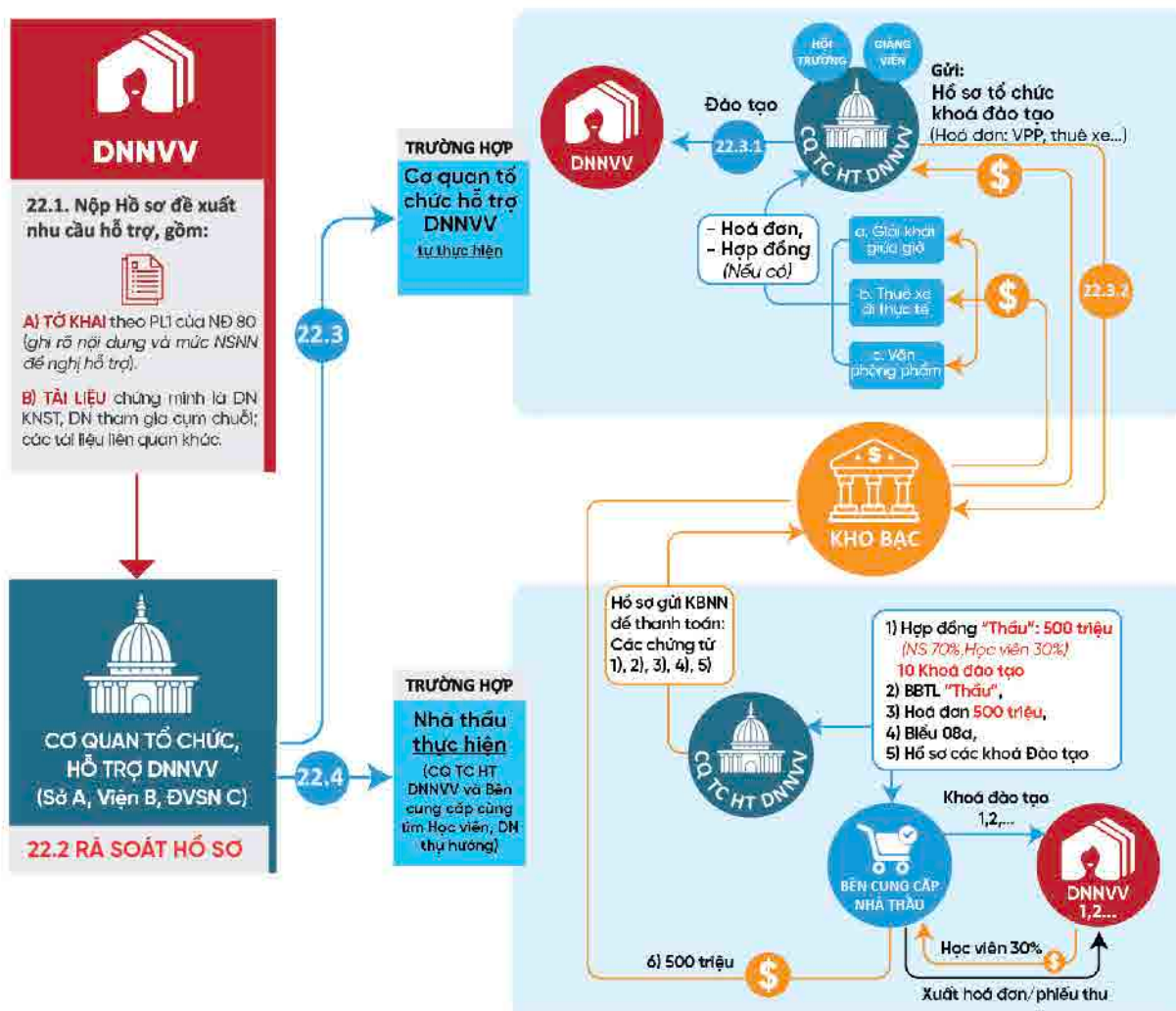
- i. Theo luồng màu xanh; hoặc
- ii. Theo luồng màu đỏ với các bước thực hiện từ 1 đến 4.

4) Ký kết và thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư và Nhà thầu thực hiện theo quy trình tại Hình 8.

Lưu ý:

- Đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 50 triệu đồng: Chủ đầu tư không phải lập, thẩm định, phê duyệt KQLCNT; Chủ đầu tư thực hiện mua sắm không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp, nhưng phải đảm bảo chế độ hóa đơn, chứng từ.
- Đối với gói thầu từ trên 50 triệu đến 100 triệu đồng, áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn, thực hiện trong 15 ngày (K3 Đ78 NĐ 24/2024/NĐ-CP).

1.7.1. Quy trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV



Hình 9: Quy trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV

Bước 22.1: DNNVV nộp Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ (theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến) tới Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

Hồ sơ bao gồm:

- I. Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu tại Phụ lục 1 ND 80 (xem mẫu và ví dụ tại phụ lục 1 trang 55);
- II. Những tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ (nếu có).

Bước 22.2: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát hồ sơ, tổng hợp nhu cầu đề xuất hỗ trợ của DNNVV.

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện theo kế hoạch và dự toán NSNN được giao theo 2 trường hợp dưới đây.

Bước 22.3: Trường hợp Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV có khả năng cung cấp trực tiếp dịch vụ đào tạo cho DNNVV

- ✓ Tuyển sinh: thu Phiếu đăng ký đào tạo/Tờ khai của DNNVV; thu tiền đối ứng của DNNVV và xuất phiếu thu/hóa đơn cho DNNVV (trong trường hợp doanh nghiệp phải đối ứng).
- ✓ Tổ chức đào tạo: theo quy trình quy định tại phụ lục 3.2 TT06 (xem phụ lục 2 trang 57)
- ✓ Thanh toán tại KBNN: hồ sơ lớp học và các chứng từ tài chính gửi KBNN để thanh toán các dịch vụ liên quan (thuê phòng, thù lao giảng viên, văn phòng phẩm, thuê xe...)

Bước 22.4: Trường hợp Nhà thầu (đã được lựa chọn tại Mục 1.6) thực hiện

- ✓ Nhà thầu tổ chức các khoá đào tạo cho DNNVV:
 - Tuyển sinh: thu Phiếu đăng ký đào tạo/Tờ khai của DNNVV; thu tiền đối ứng của DNNVV và xuất phiếu thu/hóa đơn cho DNNVV (trong trường hợp doanh nghiệp phải đối ứng).
 - Tổ chức đào tạo: theo quy trình quy định tại phụ lục 3.2 TT06 (xem phụ lục 2 trang 57)
- ✓ Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV giám sát các khoá đào tạo theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến (nếu cần)
- ✓ Thanh toán tại KBNN:
 - Nhà thầu: hoàn thành khối lượng công việc như trong hợp đồng thực hiện gói thầu
 - Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV + Nhà thầu: Nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng thực hiện gói thầu
 - Nhà thầu: chuyển Hồ sơ thanh toán tới Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV bao gồm:
 - i. Hợp đồng thực hiện gói thầu
 - ii. Biên bản nghiệm thu thanh lý
 - iii. Hóa đơn tài chính ứng với khối lượng đã nghiệm thu
 - iv. Biểu 08a NĐ 11/2020/NĐ-CP (xem phụ lục 5 trang 75)
 - v. Hồ sơ các khoá đào tạo đã thực hiện
 - Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV chuyển Hồ sơ thanh toán ra KBNN kiểm soát chi và chuyển tiền NSNN cho Nhà thầu.

1.7.2. Quy trình hỗ trợ công nghệ; tư vấn; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

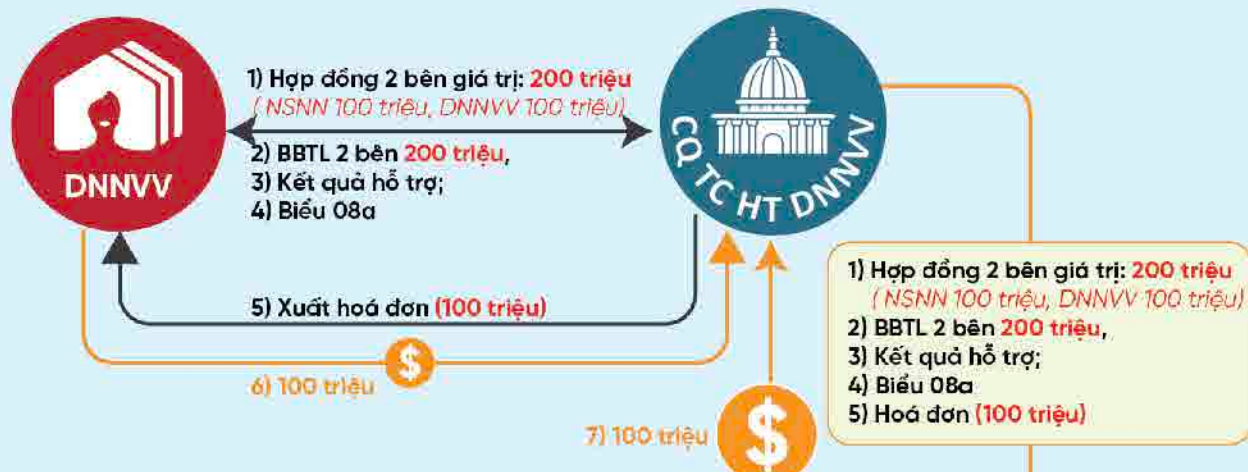
BƯỚC SỐ: 23



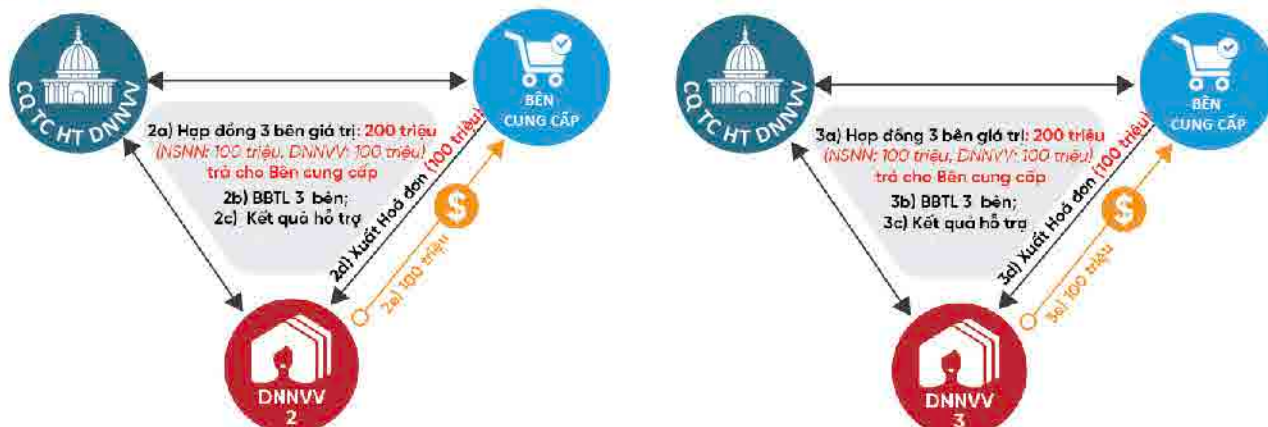
23.3. Cơ quan tổ chức hỗ trợ DNNVV tự thực hiện

Thông báo hỗ trợ

23.4. Nhà thầu thực hiện
(CQ TC HT DNNVV và Bên cung cấp cùng tìm DN thụ hưởng)



Hồ sơ gửi KBNN để thanh toán gồm các chứng từ
Bắt buộc: 1a), 1b), 4), 5), 6), 7), 8)
Nếu cần: 2a) 2b, 3a), 3b)



Bước 23.1: DNNVV nộp Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ (theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến) tới Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

Hồ sơ bao gồm:

- i. Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu tại phụ lục 1 ND 80 (xem mẫu tờ khai và ví dụ tại phụ lục 1 trang 55)
- ii. Những tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ (nếu có)

Bước 23.2: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát hồ sơ, tổng hợp nhu cầu đề xuất hỗ trợ của DNNVV

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thông báo đồng ý/không đồng ý hỗ trợ, gửi DNNVV

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề xuất, Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV xem xét hồ sơ và có Thông báo bằng văn bản cho DNNVV:

- i. Không đủ điều kiện hỗ trợ
- ii. Đủ điều kiện hỗ trợ nhưng phải bổ sung hồ sơ
- iii. Đủ điều kiện hỗ trợ và đủ hồ sơ, tại thông báo thể hiện rõ nội dung, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và kinh phí khác (nếu có).

Thực hiện hỗ trợ

Bước 23.3: Trường hợp Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV có khả năng cung cấp trực tiếp dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV

✓ Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV phải đáp ứng điều kiện sau:

- i. Có chức năng hỗ trợ và đủ năng lực thực hiện hỗ trợ
- ii. Nếu cung cấp dịch vụ tư vấn thì Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV phải là tổ chức tư vấn đã được Bộ công nhận (xem phụ lục 7 trang 77)

✓ Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và DNNVV ký Hợp đồng hỗ trợ (mẫu hợp đồng tại phụ lục 3 trang 64) và thực hiện Hợp đồng hỗ trợ. Trong Hợp đồng hỗ trợ phải thể hiện rõ phần NSNN, phần DNNVV chi trả, phần tài trợ (nếu có).

✓ Thanh toán tại KBNN:

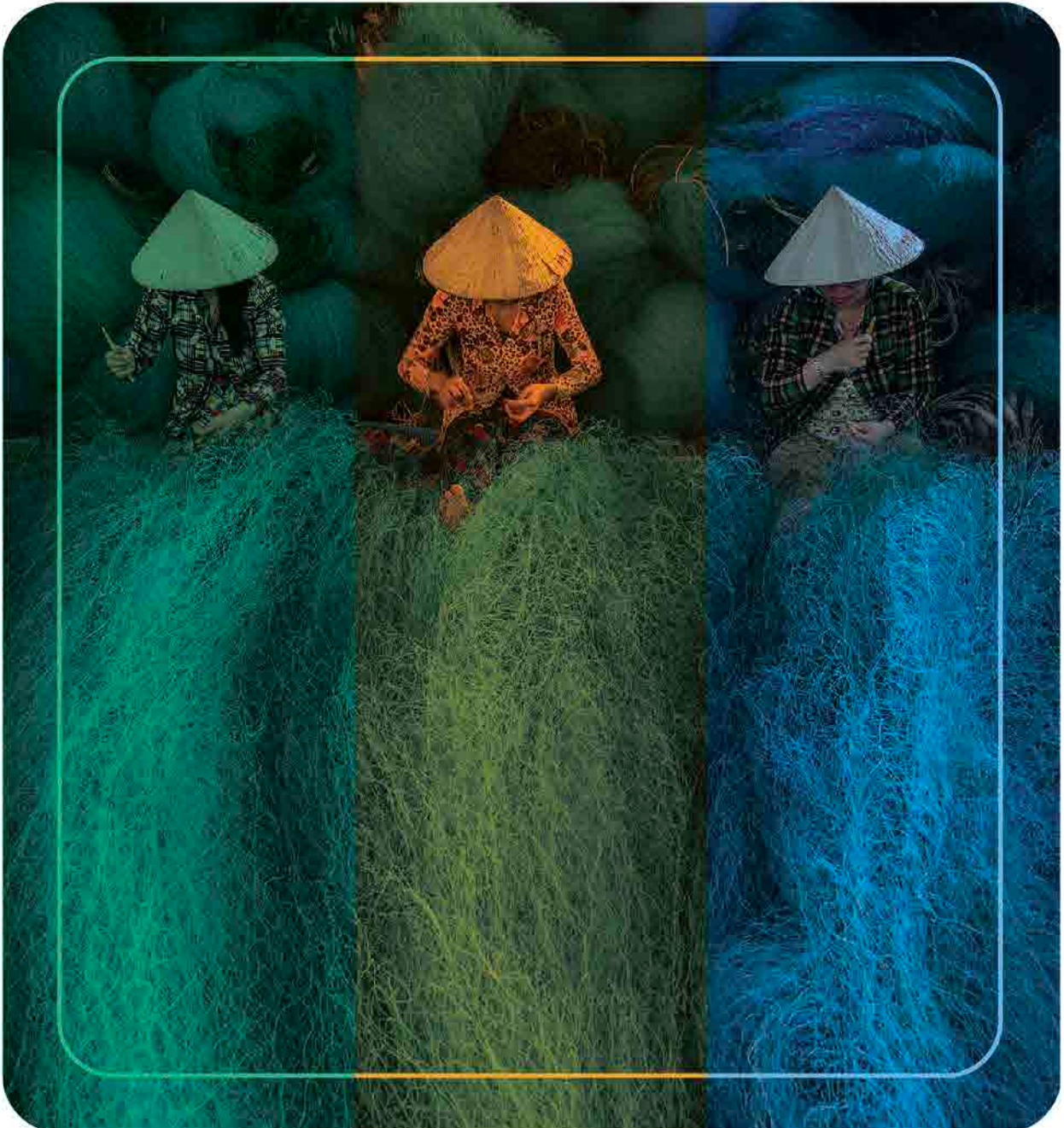
- + Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV tổng hợp hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - i. Thông báo đồng ý hỗ trợ cho DNNVV
 - ii. Hợp đồng hỗ trợ
 - iii. Biên bản nghiệm thu thanh lý Hợp đồng hỗ trợ
 - iv. Hóa đơn tài chính của Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV xuất cho DNNVV tương ứng với phần kinh phí DNNVV đã chi trả cho Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV
 - v. Biểu 08a theo ND 11/2020/ND-CP (xem phụ lục 5 trang 75)
 - vi. Kết quả hỗ trợ
- + Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV chuyển hồ sơ thanh toán tới KBNN. KBNN kiểm soát chi và thanh toán phần NSNN cho Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV hạch toán số tiền được thanh toán vào thu hoạt động của đơn vị, và được sử dụng theo quy định pháp luật.

Bước 23.4: Trường hợp Nhà thầu (đã được lựa chọn tại Mục 1.6) thực hiện

- ✓ Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và Nhà thầu đã ký Hợp đồng “Thầu” theo quy trình tại Mục 1.6
- ✓ Nhà thầu triển khai Hợp đồng “Thầu”, thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho từng DNNVV trên cơ sở Hợp đồng hỗ trợ 3 bên như sau:
 - + Ký Hợp đồng hỗ trợ 3 bên giữa Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV, từng DNNVV thụ hưởng và Nhà thầu.
 - + Thực hiện Hợp đồng hỗ trợ 3 bên.
 - + Nghiệm thu, Thanh lý Hợp đồng hỗ trợ 3 bên.
 - + Nhà thầu xuất hoá đơn cho từng DNNVV thụ hưởng ứng với phần kinh phí đối ứng mà DNNVV chi trả cho Nhà thầu.
 - + DNNVV chi trả cho Nhà thầu.
- ✓ Thanh toán tại KBNN:
 - Nhà thầu: hoàn thành khối lượng công việc như trong hợp đồng “Thầu”
 - Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và Nhà thầu: Nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng “Thầu”
 - Nhà thầu: chuyển Hồ sơ thanh toán tới Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

bao gồm:

- i. Hợp đồng “Thầu”
 - ii. Biên bản nghiệm thu thanh lý Hợp đồng “Thầu”
 - iii. Hóa đơn tài chính do thầu xuất cho Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV ứng với khối lượng đã nghiệm thu và tổng phần NSNN chi trả
 - iv. Biểu 08a ND 11/2020/ND-CP (xem phụ lục 5 trang 75)
 - v. Kết quả hỗ trợ cho từng DNNVV đã thực hiện
- Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV chuyển Hồ sơ thanh toán ra KBNN kiểm soát chi và chuyển tiền NSNN cho Nhà thầu.





PHẦN 2

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT DÀNH CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV

PHẦN 2

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

DÀNH CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV

Căn cứ các Quyết định: (i) giao nhiệm vụ, (ii) giao dự toán NSNN, (iii) phê duyệt dự toán chi tiết, (iv) phê duyệt KHLCNT (nếu có); Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo quy trình mô tả tại Mục 1.7 Phần 1 và các nội dung chi tiết dưới đây

2.1. HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ CHO DNNVV

2.1.1. Rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát

- i. Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV theo quy trình tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28);
- ii. Kết quả đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của DNNVV trên trang: <https://digital.business.gov.vn/> (trường hợp DNNVV đề xuất hỗ trợ chuyển đổi số);
- iii. Nội dung, định mức do DNNVV đề nghị hỗ trợ phải phù hợp với quy định tại K1, 2, 3, 4 Điều 11 NĐ80 (xem Bảng trang 40).

2.1.2. Thực hiện hỗ trợ cho DNNVV

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ công nghệ cho DNNVV theo quy trình Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).

2.2. HỖ TRỢ TƯ VẤN CHO DNNVV

2.2.1. Rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu của DNNVV

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát

- i. Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV theo quy trình tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28);
- ii. Nội dung, định mức do DNNVV đề nghị hỗ trợ (về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ, và các nội dung khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp) phải phù hợp với quy định tại K2 Đ13 NĐ80 (xem Bảng trang 41).

2.2.2. Thực hiện hỗ trợ tư vấn cho DNNVV

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ tư vấn cho DNNVV theo quy trình tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).

2.3. HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO DNNVV

2.3.1. Rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV theo quy trình tại Mục 1.7.1 Phần 1 (trang 26) để tổ chức các khóa đào tạo tại Bảng dưới đây.

- Đào tạo trực tiếp:

TT	Khóa đào tạo	Chuyên đề đào tạo	Thời lượng đào tạo	Đối tượng học viên
1	Khởi sự kinh doanh (tối thiểu 30 học viên/ khóa)	- Nhận thức/ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh; Kiến thức, kỹ năng, pháp lý trong thành lập doanh nghiệp - Thị trường, marketing và bán hàng; - Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp Tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân sự; quản trị tài chính - Chuyển đổi số	Từ 5 đến 28 ngày (có thể không liên tục). Có thể bố trí tối đa 40% thời lượng thực hành (nếu cần)	Quản lý các bộ phận chuyên môn, quản lý điều hành của DNNVV
2	Đào tạo tại DNNVV (tối thiểu 10 học viên/ khóa)	- Quản trị nhân sự, tài chính, chi phí, sản xuất, công nghệ - Quản trị marketing, bán hàng, thị trường, chuỗi cung ứng - Quản trị rủi ro, hệ thống thông tin nội bộ, quản trị chiến lược, chuyển đổi số, phát triển các kỹ năng tâm lý - Quá trình sản xuất, kinh doanh, vận hành doanh nghiệp	Từ 2 - 5 ngày. Với lớp từ 3 ngày trở lên có thể bố trí tối đa 40% thời lượng thực hành (nếu cần)	Người lao động, quản lý các bộ phận chuyên môn, quản lý điều hành của DNNVV

TT	Khóa đào tạo	Chuyên đề đào tạo	Thời lượng đào tạo	Đối tượng học viên
3	Quản trị Doanh nghiệp chuyên sâu (tối thiểu 20 học viên/ khóa)	Các khóa đào tạo theo mục 2 với nội dung chuyên sâu, phù hợp với từng doanh nghiệp	Từ 5 đến 28 ngày (có thể không liên tục). Có thể bố trí tối đa 40% thời lượng thực hành (nếu cần)	Quản lý các bộ phận chuyên môn, quản lý điều hành của DNNVV
4	Đào tạo tại DNNVV (tối thiểu 10 học viên / khóa)	Các khóa đào tạo theo mục 2 với nội dung chuyên sâu, phù hợp với từng doanh nghiệp		Người lao động, quản lý các bộ phận chuyên môn, quản lý điều hành của DNNVV

- Đào tạo trực tuyến:

TT	Đào tạo trực tuyến	Chuyên đề đào tạo	Thời lượng đào tạo	Đối tượng học viên
1	Hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ KH&ĐT và của UBND cấp tỉnh (gọi là hệ thống E-learning)	Như đào tạo trực tiếp	Mỗi clip bài giảng tối đa 20 phút. Mỗi bài giảng bao gồm nhiều clip	Người lao động, quản lý các bộ phận chuyên môn, quản lý điều hành của DNNVV
2	Khóa đào tạo trực tuyến qua công cụ dạy học trực tuyến có sẵn như Zoom, Teams...		Áp dụng như khóa đào tạo quy định tại K1, 2, 3 Đ13 TT06	

2.3.2. Thực hiện hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV

cho DNNVV theo quy trình tại Mục 1.7.1 Phần 1 (trang 26).

2.4. HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

2.4.1 *Rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV*

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng:

- i. Tiêu chí quy định tại Mục 1.2.4 Phần 1 (trang 16)
- ii. Quy trình rà soát hồ sơ tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28)
- iii. Nội dung, định mức do DNNVV đề nghị hỗ trợ phải phù hợp với quy định tại Đ22 NĐ80 (xem Bảng trang 43)

2.4.2. Thực hiện hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy trình tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).

2.5. HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH

2.5.1. *Rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV*

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV tham gia cụm liên kết ngành đáp ứng:

- i. Tiêu chí quy định tại Mục 1.2.5 Phần 1 (trang 19).
- ii. Quy trình rà soát hồ sơ tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).
- iii. Nội dung, định mức do DNNVV đề nghị hỗ trợ phải phù hợp với quy định tại Đ25 NĐ80 (xem Bảng trang 45)

2.5.2. Thực hiện hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành theo quy trình tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).

2.6. HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CHUỖI GIÁ TRỊ

2.6.1. *Rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV tham gia chuỗi giá trị*

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV tham gia chuỗi giá trị đáp ứng:

- i. Tiêu chí quy định tại Mục 1.2.6 Phần 1 (trang 21).
- ii. Quy trình rà soát hồ sơ tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).
- iii. Nội dung, định mức do DNNVV đề nghị hỗ trợ phải phù hợp với quy định tại Đ25 NĐ80 (xem Bảng trang 45)

2.6.2. Thực hiện hỗ trợ DNNVV tham gia chuỗi giá trị

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện hỗ trợ DNNVV tham gia chuỗi giá trị theo quy trình tại Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).

WEPS AWARDS

For exemplary practice embracing the Women's Empowerment Principles (WEPs) in Asia-Pacific



PHẦN 3

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT DÀNH CHO DNNVV DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ



PHẦN 3

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT DÀNH CHO DNNVV DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

3.1. QUY TRÌNH DNNVV ĐỀ XUẤT NHU CẦU VÀ NHẬN HỖ TRỢ

3.1.1. Chuẩn bị Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ

Hồ sơ bao gồm:

- i. Tờ khai (theo mẫu tại phụ lục 1 trang 55). DNNVV kê khai cụ thể nội dung, định mức muốn nhận hỗ trợ theo quy định tại các Mục 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6 phần này.
- ii. Tài liệu liên quan (nếu có, bao gồm tài liệu chứng minh là DNNVV do phụ nữ làm chủ/ DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ/DNNVV là DNXH/DNNVV là doanh nghiệp KNST/DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị).

3.1.2. Gửi Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ

DNNVV gửi Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ tới Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV trung ương hoặc địa phương nơi DNNVV đặt trụ sở.

3.1.3. Nhận hỗ trợ

- DNNVV phối hợp với Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và Nhà thầu (nếu có) để nhận hỗ trợ.
- DNNVV chi trả chi phí theo quy định tại Hợp đồng (là phần mà NSNN không hỗ trợ).



3.2. HỖ TRỢ VỀ CÔNG NGHỆ

3.2.1. Đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số

Trong trường hợp DNNVV đề xuất hỗ trợ chuyển đổi số, doanh nghiệp tự đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của doanh nghiệp mình (đăng ký tài khoản và tự đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số tại <http://digital.business.gov.vn> hoặc <https://dbi.gov.vn>) và gửi kèm kết quả đánh giá trong hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ tới Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV.

3.2.2 Nội dung, định mức hỗ trợ về công nghệ

DNNVV được hỗ trợ công nghệ với nội dung và định mức như sau:

STT	Nội dung	Định mức hỗ trợ từ NSNN	
		Tỷ lệ %	Kinh phí (Triệu đồng)
1	Tư vấn giải pháp Chuyển đổi số (K1 Đ11 NĐ80)		
1.1	Tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	50%	50
1.2	Tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa	50%	100
2	Chi phí thuê, mua, các giải pháp chuyển đổi số (K2 Đ11 NĐ80)		
2.1	Thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp siêu nhỏ	50%	20
2.2	Thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ	50%	50
2.3	Thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa	50%	100
3	Tư vấn Sở hữu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp (K3 Đ11 NĐ80)	50%	100
4	Tư vấn Chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp (K4 Đ11 NĐ80)	50%	100

3.2.3. Quy trình hỗ trợ công nghệ

Quy trình hỗ trợ công nghệ xem Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28)

3.3. HỖ TRỢ VỀ TƯ VẤN

3.3.1. Nội dung, định mức hỗ trợ về tư vấn

STT	Nội dung	Định mức hỗ trợ từ NSNN	
		Tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)
1	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp siêu nhỏ (Điểm a K2 Đ13 NĐ80)		
1.1	Doanh nghiệp siêu nhỏ	100%	50
1.2	Doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, sử dụng nhiều lao động nữ, DNXH	100%	70
2	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ (Điểm b K2 Đ13 NĐ80)		
2.1	Doanh nghiệp nhỏ	50%	100
2.2	Doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, sử dụng nhiều lao động nữ, DNXH	50%	150
3	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp vừa (Điểm c K2 Đ13 NĐ80)		
3.1	Doanh nghiệp vừa	30%	150
3.2	Doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, sử dụng nhiều lao động nữ, DNXH	30%	200

3.3.2. Quy trình hỗ trợ tư vấn

Quy trình hỗ trợ tư vấn xem Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).

3.4. HỖ TRỢ VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (ĐÀO TẠO)

3.4.1. Nội dung hỗ trợ đào tạo

Nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ
Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	- Các lớp khởi sự kinh doanh được hỗ trợ 100%, các lớp quản trị doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 70%. - DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là doanh nghiệp xã hội được miễn học phí
Đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Miễn phí truy cập bài giảng cho các DNNVV trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ KH&ĐT: https://vietnamsme.gov.vn/elearning/
Đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất chế biến	- Mỗi DNNVV được hỗ trợ 70%/khóa/năm - DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ, DNXH được hỗ trợ 100%/khóa/năm

3.4.2. Quy trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Quy trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực xem Mục 1.7.1 Phần 1 (trang 26).

3.5. HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

3.5.1. Xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

Xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo xem Mục 1.2.4 Phần 1 (trang 16).

3.5.2. Nội dung hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

STT	Nội dung	Định mức hỗ trợ từ NSNN	
		Tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung (K1 Đ22 ND 80)		
1.1	Sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung	100%	20
1.2	Thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung (kinh phí theo tháng, tối đa 3 năm)	50%	5
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ (K2 Đ22 ND 80)		
2.1	Tư vấn thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước.	100%	30
2.2	Tư vấn xây dựng bản mô tả sáng chế, thiết kế kiểu dáng công nghiệp, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	100%	30
2.3	Tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước	100%	50
2.4	Tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nước ngoài	50%	50
3	Thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới (K3 Đ22 ND 80)		
3.1	Tư vấn xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở	100%	10
3.2	Tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng	100%	50
3.3	Thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường	50%	10

STT	Nội dung	Định mức hỗ trợ từ NSNN	
		Tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)
3.4	Thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa	50%	30
3.5	Tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới	50%	50
4	Tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ (K4 Đ22 NĐ80)	50%	100
5	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu (K5 Đ22 NĐ80)		
5.1	Tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước về xây dựng, phát triển sản phẩm, thương mại điện tử, kết nối mạng lưới khởi nghiệp, cá nhân nghiên cứu khoa học (kinh phí cho 1 học viên, mỗi DN tối đa 3 học viên/năm)	50%	5
5.2	Tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài (kinh phí cho 1 học viên, mỗi DN tối đa 2 học viên/năm)	50%	50
6	Hỗ trợ thông tin truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo (K6 Đ22 NĐ80)		
6.1	Tư vấn đăng ký tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế	50%	100
6.2	Duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế	50%	50
6.3	Thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, đi lại ăn ở tại hội chợ trong nước		30
6.4	Thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, đi lại ăn ở tại hội chợ nước ngoài		50
6.5	Tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo	50%	30

3.5.3. Quy trình hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

Quy trình hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo xem Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 26).

3.6. HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

3.6.1. Xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Xác định DNNVV tham gia cụm liên kết ngành tại Mục 1.2.5 Phần 1 (trang 19), DNNVV tham gia chuỗi giá trị tại Mục 1.2.6 Phần 1 (trang 21).

3.6.2. Nội dung hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

STT	Nội dung	Định mức hỗ trợ từ NSNN	
		Tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)
1	Đào tạo (K1 Đ25 NĐ80)		
1.1	Đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp.	50%	50
1.2	Tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị (kinh phí cho 1 học viên, mỗi DN tối đa 3 học viên)	50%	10
2	Nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh (K2 Đ25 NĐ80)		
2.1	Tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	100%	30
2.2	Tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi	100%	100
3	Phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường (K3 Đ25 NĐ80)		
3.1	Tư vấn đăng ký tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế	50%	100
3.2	Duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế	50%	50
3.3	Tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước		50
3.4	Tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài		70

STT	Nội dung	Định mức hỗ trợ từ NSNN	
		Tỷ lệ %	Kinh phí (triệu đồng)
3.5	Tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong nước	100%	50
3.6	Tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị	100%	20
4	Tư vấn tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng (K4 Đ25 NĐ80)		
4.1	Tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở	100%	10
4.2	Tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng	100%	50
4.3	Thử nghiệm mẫu phương tiện đo; kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;	50%	10
4.4	Cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	100%	20
5	Các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng (K5 Đ25 NĐ80)		
5.1	Thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	100%	30
5.2	Đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ	50%	30
5.3	Sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV	50%	50

3.6.3. Quy trình hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Quy trình hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị xem Mục 1.7.2 Phần 1 (trang 28).

3.7. HỖ TRỢ DNNVV CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH

3.7.1. Danh mục được hỗ trợ

STT	Nội dung	Định mức hỗ trợ
1	Tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	Miễn phí
2	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu	Miễn phí
3	Công bố thông tin lần đầu	Miễn phí
4	Thủ tục đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Miễn phí
5	Lệ phí môn bài 3 năm từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu	Miễn phí
6	Hướng dẫn thủ tục hành chính, thuế, chế độ kế toán trong 3 năm	Miễn phí

3.7.2. Điều kiện để được hỗ trợ

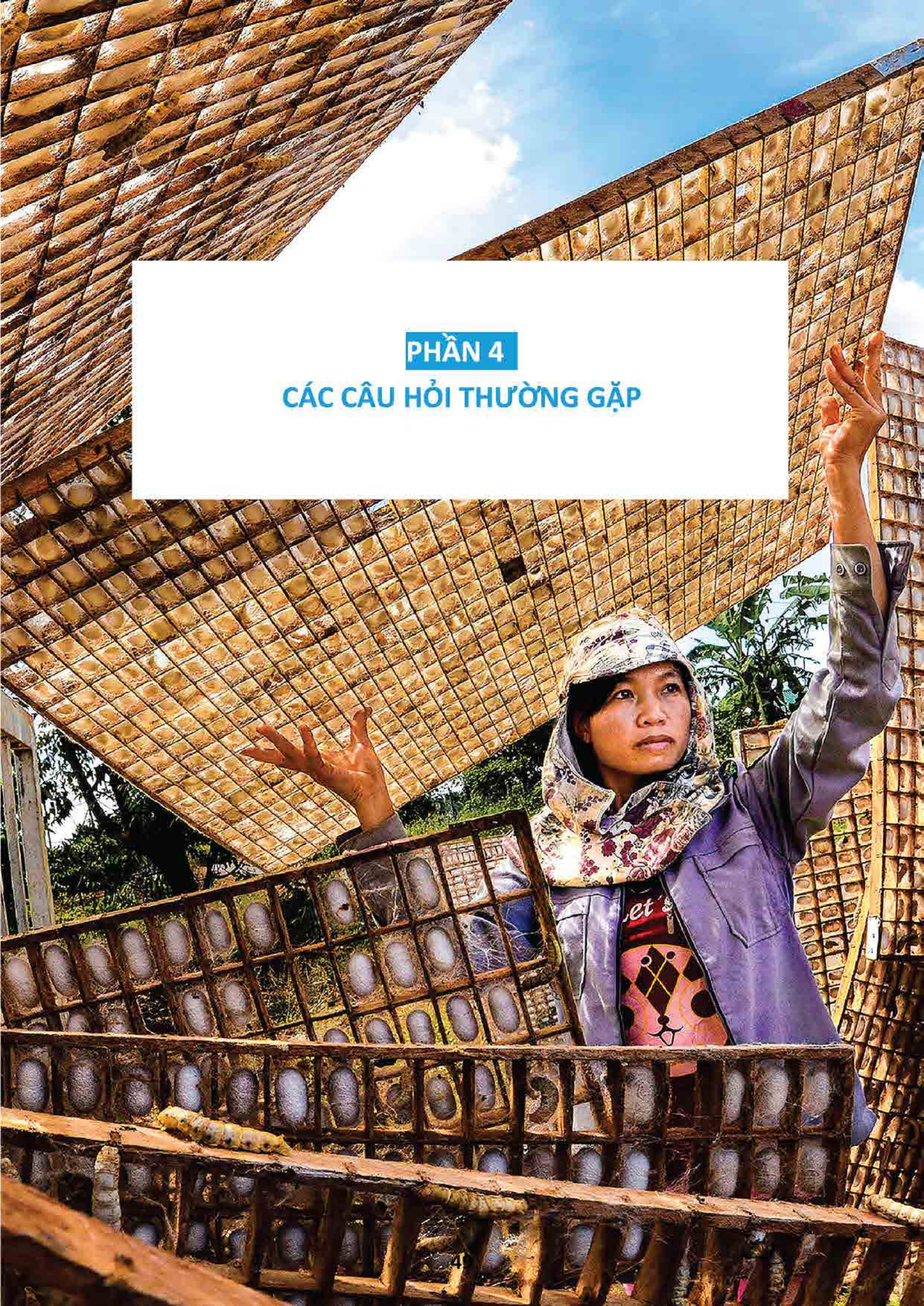
Theo K1 Đ16 Luật Hỗ trợ DNNVV, DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật
- Có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

LƯU Ý DÀNH CHO NHÀ THẦU

Trường hợp Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV không trực tiếp cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho DNNVV, Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV tổ chức đấu thầu để lựa chọn Nhà thầu để thực hiện hỗ trợ cho DNNVV, cụ thể như sau:

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV	xem Mục 1.3 trang 22
Cách xác định DNNVV	xem Mục 1.2 trang 13
Quy trình hỗ trợ DNNVV và thanh toán	xem Mục 1.7 trang 26
Định mức hỗ trợ cho DNNVV	xem Phần 3 trang 38
Quy trình dự thầu	xem Mục 1.6 trang 24



PHẦN 4

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

PHẦN 4

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

Doanh nghiệp của tôi nếu theo tiêu chí lao động + tổng nguồn vốn là doanh nghiệp vừa, nếu theo tiêu chí lao động + tổng doanh thu là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp được xác định theo quy mô nào để được nhận hỗ trợ tối ưu nhất?

Căn cứ quy định tại Đ5 NĐ80, Doanh nghiệp được lựa chọn sử dụng tiêu chí có lợi nhất để xác định quy mô mà doanh nghiệp được hưởng mức hỗ trợ tốt nhất.

Căn cứ quy định tại Đ5 NĐ80, trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp siêu nhỏ có tổng doanh thu ≤ 3 tỷ, lao động ≤ 10 người, doanh nghiệp của bạn có doanh thu < 3 tỷ (cụ thể là 2,5 tỷ) nhưng lao động lại trên 10 người (cụ thể là 12 người) nên doanh nghiệp của bạn là doanh nghiệp nhỏ.

Chúng tôi là doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp có 12 lao động tổng doanh thu theo báo cáo tài chính là 2,5 tỷ, chúng tôi là doanh nghiệp siêu nhỏ hay nhỏ?

Tôi muốn tiếp cận thông tin trên cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV, vậy tôi truy cập địa chỉ nào và tôi có thể được tiếp cận các thông tin miễn phí gì?

Căn cứ quy định tại K5, Đ3 NĐ80, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV là điểm truy cập trên môi trường mạng tại địa chỉ **www.business.gov.vn** để hỗ trợ DNNVV thông qua việc tích hợp thông tin về mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ

DNNVV; kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, hoạt động hỗ trợ DNNVV; chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp và các thông tin hữu ích khác hỗ trợ DNNVV.

Căn cứ quy định tại K1,2 Đ11 NĐ80, DNNVV nếu đáp ứng tiêu chí theo quy định được hưởng các nội dung hỗ trợ tư vấn về chuyển đổi số theo, với cùng một nội dung, hợp đồng hỗ trợ, DNNVV đã nhận hỗ trợ từ một Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thì DNNVV không được nhận hỗ trợ từ Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV khác. Do vậy, doanh nghiệp không thể vừa nhận hỗ trợ tư vấn về chuyển đổi số ở Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hỗ trợ tư vấn về chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Công ty tôi là một DNNVV do phụ nữ làm chủ, chúng tôi có thể vừa nhận hỗ trợ tư vấn về chuyển đổi số ở Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hỗ trợ tư vấn về chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông không?

Doanh nghiệp chúng tôi ở tỉnh X thì có thể gửi đề xuất nhu cầu hỗ trợ ở cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV của Bộ Kế hoạch và Đầu tư không?

Doanh nghiệp có thể lựa chọn Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV phù hợp với nhu cầu cần hỗ trợ và nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo quy trình tại Mục 1.7 Phần 1 (trang 26) của Cẩm nang này. Do đó, DNNVV có thể lựa chọn Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đề xuất hỗ trợ nếu phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.



Căn cứ quy định tại Đ15 NĐ80, các hỗ trợ về tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp khi chuyển đổi từ hộ kinh doanh như sau:

Tôi là hộ kinh doanh muốn chuyển đổi lên doanh nghiệp. Tôi muốn tìm hiểu các hỗ trợ về tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp được quy định tại Luật hỗ trợ DNNVV và NĐ80.

1. UBND cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tư vấn, hướng dẫn miễn phí hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp về: Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

2. Hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn, gửi đề nghị hỗ trợ thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hồ sơ đề nghị gồm: Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí.

Tôi hiện đang là tư vấn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tôi có thể đăng ký trở thành TVV tại Sở Kế hoạch và Đầu tư được không?

Căn cứ quy định tại K7 Đ3 và K5 Đ28 NĐ80, các Bộ, cơ quan ngang bộ công nhận tư vấn viên thuộc lĩnh vực quản lý. Do đó, anh/chị tìm hiểu lĩnh vực phù hợp với chuyên môn và nộp hồ sơ tới Đơn vị công nhận tư vấn viên của Bộ, cơ quan ngang Bộ tương ứng.

Cá nhân, tổ chức tư vấn sau khi nộp hồ sơ đăng ký và đã được công nhận là TVV của ngành, lĩnh vực thì hưởng các quyền lợi sau:

Cá nhân, tổ chức tư vấn khi tham gia mạng lưới tư vấn viên được lợi ích gì?

- Được công nhận là chuyên gia tư vấn của ngành, lĩnh vực; công khai thông tin về chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên trang thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ nơi đăng ký và trên Cổng thông tin **business.gov.vn**;
- Được ưu tiên tham gia thực hiện các hợp đồng tư vấn có hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho DNNVV;
- Được tham gia các khóa đào tạo chuẩn hóa kỹ năng, quy trình, kiến thức tư vấn do Đơn vị công nhận TVV của các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức.



A person wearing a beige blazer is organizing white file folders in a cabinet. The person's hands are visible, with pink nail polish, as they place a folder into the cabinet. The cabinet is white and has a small rectangular slot on the front. In the bottom right corner, there is a stack of several white folders. The background is a bright, out-of-focus window.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU HỖ TRỢ

(Kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Loại hình doanh nghiệp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Quận/huyện: Tỉnh/thành phố:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên: ☐ Có ☐ Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:
Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:
Trong đó, số lao động nữ:
Tổng nguồn vốn:
Tổng doanh thu năm trước liền kề:

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

☐ Doanh nghiệp siêu nhỏ ☐ Doanh nghiệp nhỏ ☐ Doanh nghiệp vừa

5. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

- ☐ Hỗ trợ công nghệ:
☐ Hỗ trợ tư vấn:
☐ Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:
☐ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:
☐ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:
☐ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

- Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU HỖ TRỢ

6. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH ABC

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 012345678

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 phố X

Quận/huyện: Hoàn Kiếm

Tỉnh/thành phố: Hà Nội

Điện thoại: 024 34567890

Email: congtyabc@gmail.com

7. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên: ☒ Có

☐ Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp: Nguyễn Thị A

8. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính: Nông nghiệp

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm: 25

Trong đó, số lao động nữ: 15

Tổng nguồn vốn: 5 tỷ đồng

Tổng doanh thu năm trước liền kề: 3 tỷ đồng

9. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

☐ Doanh nghiệp siêu nhỏ ☒ Doanh nghiệp nhỏ

☐ Doanh nghiệp vừa

10. Các nội dung đề xuất hỗ trợ (Doanh nghiệp lựa chọn một hoặc nhiều nội dung hỗ trợ):

× Hỗ trợ công nghệ: Thuê, mua giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ, 50 triệu đồng (theo K2 Đ11 NĐ80)

× Hỗ trợ tư vấn: Hỗ trợ tư vấn sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, 150 triệu đồng (theo điểm b K2 Đ13 NĐ80)

☐ Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo trực tiếp về quản trị kinh doanh

☐ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:

.....
☐ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo:

.....
☐ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

3. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo (nếu có):

- Bản mô tả/ tên giải pháp chuyển đổi số mà Công ty TNHH ABC muốn nhận hỗ trợ

...

PHỤ LỤC 2: QUY TRÌNH TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Mục 1

ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CHUYÊN SÂU

Bước 1. Chuẩn bị tổ chức khóa đào tạo:

1. Đơn vị đào tạo khảo sát nhu cầu đào tạo của DNNVV (nếu cần) và thực hiện chiêu sinh:

a) Hoạt động khảo sát gồm: gửi phiếu khảo sát, gọi điện thoại, đến trực tiếp doanh nghiệp để tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu đào tạo.

b) Hoạt động chiêu sinh gồm: gọi điện thoại, gửi thư mời, đăng thông tin quảng cáo về khóa đào tạo trên các phương tiện thông tin, truyền thông hoặc thuê bên cung cấp để thực hiện chiêu sinh trọn gói.

2. DNNVV điền Phiếu đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục 3.3 Thông tư này để cử người lao động, người quản lý các bộ phận chuyên môn, người quản lý điều hành của doanh nghiệp tham gia khóa đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo lập danh sách học viên và tìm giảng viên, báo cáo viên phù hợp.

Bước 2. Tổ chức khóa đào tạo:

1. Đối với đơn vị đào tạo

1.1. Quyết định tổ chức khóa đào tạo: Lãnh đạo đơn vị đào tạo ban hành quyết định về việc tổ chức khóa đào tạo gồm các nội dung sau: tên chuyên đề đào tạo (kèm theo bộ tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo); thời gian, địa điểm tổ chức khóa đào tạo; chương trình đào tạo theo từng ngày; danh sách giảng viên, cộng tác viên tham gia giảng dạy (kèm theo lý lịch giảng viên, cộng tác viên); danh sách học viên tham dự; dự toán kinh phí khóa đào tạo; danh sách cán bộ quản lý khóa đào tạo.

1.2. Mời giảng viên, báo cáo viên:

a) Trường hợp giảng viên, báo cáo viên giảng dạy trực tiếp toàn bộ: thực hiện đưa đón, bố trí ăn, nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên; chi trả thù lao giảng

dạy của giảng viên, báo cáo viên.

b) Trường hợp giảng viên, báo cáo viên giảng dạy trực tuyến toàn bộ: chi trả thù lao giảng dạy của giảng viên, báo cáo viên. Đơn vị đào tạo có thể chuẩn bị một phòng giảng dạy tiêu chuẩn với đầy đủ công cụ và thiết bị đặc thù, đường truyền, chuẩn bị giải khát cho giảng viên, báo cáo viên, bố trí cán bộ hỗ trợ kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy trực tuyến của giảng viên, báo cáo viên (nếu cần).

c) Trường hợp giảng viên giảng dạy cả trực tiếp và trực tuyến: chuẩn bị các nội dung cần thiết cho việc giảng dạy trực tiếp, trực tuyến của giảng viên, báo cáo viên theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1.2 Bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này tương ứng với thời gian giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.

1.3. Chuẩn bị tài liệu học tập cho học viên học trực tiếp; chuẩn bị tài liệu học tập bản điện tử cho học viên học trực tuyến.

1.4. Chuẩn bị văn phòng phẩm cho học viên học trực tiếp (nếu cần).

1.5. Chuẩn bị hội trường và hậu cần phục vụ khóa học:

a) Trường hợp 100% học viên học trực tiếp: chuẩn bị hội trường, máy tính, máy chiếu và các thiết bị phục vụ giảng dạy trực tiếp; bố trí dịch vụ điện, nước, vệ sinh, trông giữ xe.

b) Trường hợp có từ 30% học viên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến: Đối với các học viên học trực tiếp: chuẩn bị các nội dung quy định tại điểm a khoản 1.5 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này phù hợp với quy mô học viên. Đối với học viên học trực tuyến: thuê, mua đường truyền; thuê, mua công cụ và thiết bị đặc thù phục vụ đào tạo trực tuyến phù hợp với quy mô học viên.

1.6. Tổ chức khai giảng: hoa tươi, băng-rôn, khuyến khích sử dụng phong ảnh điện tử.

1.7. Chuẩn bị giải khát giữa giờ cho học viên học trực tiếp.

1.8. Tổ chức cho học viên thực hành (nếu cần). Việc thực hành theo các hình thức sau: làm thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế; thảo luận tình huống tại lớp; đi thăm, học tập kinh nghiệm tại doanh nghiệp điển hình; kết hợp cả ba hình thức trên. Đơn vị đào tạo lựa chọn hình thức thực hành phù hợp với nhu cầu học viên và điều kiện tổ chức lớp.

a) Trường hợp làm thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế: thuê, mua, vận chuyển tới địa điểm tổ chức khóa đào tạo các thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ thí nghiệm; tổ chức trình diễn mô hình, diễn tập thực tế.

b) Trường hợp đi thăm doanh nghiệp trong nước: đi khảo sát doanh nghiệp dự kiến đến thực tế; bố trí phương tiện đưa đón học viên từ nơi học đến địa điểm thực tế; mời báo cáo viên trình bày tại buổi thực tế; bố trí nơi ăn, nghỉ cho học viên trong trường hợp chuyển đi thực tế kéo dài hơn 1 ngày tại địa điểm ở xa nơi tổ chức đào tạo.

c) Trường hợp đi thăm doanh nghiệp tại nước ngoài: đi khảo sát doanh nghiệp dự kiến đến thực tế; bố trí phương tiện đưa đón học viên từ nơi học đến địa điểm thực tế; mời báo cáo viên trình bày tại buổi thực tế; bố trí nơi ăn, nghỉ cho học viên tại nước ngoài.

1.9. Kiểm soát thời lượng tham gia khóa đào tạo của học viên.

a) Đối với học viên học trực tiếp: lập danh sách điểm danh, ký xác nhận tham gia khóa học theo từng buổi.

b) Đối với học viên học trực tuyến: có hình ảnh minh chứng tham gia khóa học theo từng buổi.

1.10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo hình thức thuyết trình hoặc kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc hình thức tự luận hoặc kết hợp các hình thức trên.

1.11. Cấp chứng nhận đã tham gia khóa đào tạo cho học viên nếu có nhu cầu. Nội dung chứng nhận bao gồm thông tin của học viên, thông tin khóa đào tạo thuộc chương trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV-Luật Hỗ trợ DNNVV.

1.12. Lưu trữ tư liệu, hình ảnh minh chứng việc tổ chức khóa đào tạo.

1.13. Hoạt động quản lý một khóa đào tạo: đi công tác của cán bộ tổ chức lớp, tổ chức các cuộc họp triển khai khóa đào tạo, làm thêm giờ, thông tin liên lạc.

2. Đối với giảng viên: chuẩn bị bài giảng, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo; chuẩn bị tài liệu học tập bản điện tử (nếu giảng dạy trực tuyến).

3. Đối với học viên:

3.1. Trường hợp học viên học trực tiếp: học viên tham dự đầy đủ và ký xác nhận tham gia theo từng buổi học. Trường hợp học viên học trực tuyến có hình ảnh chứng đã tham gia khóa học.

3.2. Thực hiện đánh giá chất lượng khóa đào tạo (Mẫu 2 Phụ lục 3.3 Thông tư này).

Bước 3. Kết thúc khóa đào tạo:

Đối với đơn vị đào tạo:

1. Tổ chức bế giảng: hoa tươi, băng-rôn. Khuyến khích sử dụng phong ảnh điện tử.
2. Lập báo cáo đánh giá kết thúc khóa đào tạo (Mẫu 3 Phụ lục 3.3 Thông tư này).
3. Hoàn thành hồ sơ kết thúc khóa đào tạo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo. Trường hợp đơn vị đào tạo là bên cung cấp thì hoàn thành hồ sơ kết thúc khóa đào tạo theo thời gian quy định tại hợp đồng đã ký với cơ quan, tổ chức hỗ trợ-DNNVV.

Mục 2

ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CƠ BẢN

Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này nhưng không bao gồm việc thực hành theo hình thức đi thăm doanh nghiệp tại nước ngoài quy định tại điểm c khoản 1.8 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

Mục 3

ĐÀO TẠO KHỞI SỰ KINH DOANH

Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này nhưng không bao gồm các nội dung sau:

1. Thực hành theo hình thức đi thăm doanh nghiệp quy định tại điểm b, c khoản 1.8 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.
2. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập quy định tại khoản 1.10 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

Mục 4

ĐÀO TẠO TẠI DNNVV TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN

1. Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này nhưng không bao gồm các nội dung sau:

- a) Hoạt động chiêu sinh quy định tại điểm b khoản 1 bước 1 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

b) Trường hợp giảng viên giảng dạy trực tuyến toàn bộ quy định tại điểm b khoản 1.2 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

2. Đơn vị đào tạo chuẩn bị hội trường và hậu cần phục vụ khóa học chỉ khi DNNVV không có hội trường để tổ chức khóa đào tạo.

Mục 5

ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN QUA CÔNG CỤ DẠY HỌC TRỰC TUYẾN CÓ SẴN

Bước 1: Chuẩn bị tổ chức khóa đào tạo: thực hiện theo quy định tại bước 1 Mục Phụ lục 3.2 Thông tư này.

Bước 2: Tổ chức khóa đào tạo

1. Đối với đơn vị đào tạo

1.1: Quyết định tổ chức khóa đào tạo: thực hiện theo quy định tại khoản 1.1 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

1.2. Mời giảng viên, báo cáo viên: chi trả thù lao giảng dạy của giảng viên, báo cáo viên. Đơn vị đào tạo có thể chuẩn bị một phòng giảng dạy tiêu chuẩn với đầy đủ công cụ và thiết bị đặc thù, đường truyền, chuẩn bị giải khát cho giảng viên, báo cáo viên, bố trí cán bộ hỗ trợ kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy trực tuyến của giảng viên, báo cáo viên (nếu cần).

1.3. Chuẩn bị tài liệu học tập bản điện tử cho học viên.

1.4. Tổ chức khai giảng: chuẩn bị hoa tươi, băng-rôn điện tử.

1.5. Tổ chức cho học viên thực hành (nếu cần): việc thực hành theo các hình thức làm thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế; thảo luận tình huống tại lớp. Trường hợp làm thí nghiệm, trình diễn mô hình, diễn tập thực tế thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1.8 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

1.6. Kiểm soát thời lượng tham gia khóa đào tạo của học viên: có hình ảnh minh chứng tham gia khóa đào tạo theo từng buổi.

1.7. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo hình thức thuyết trình hoặc kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm hoặc hình thức tự luận hoặc kết hợp các hình thức trên.

1.8. Cấp chứng nhận đã tham gia khóa đào tạo cho học viên nếu có nhu cầu: thực hiện theo quy định tại khoản 1.11 bước 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

1.9. Lưu trữ tư liệu, hình ảnh minh chứng cho việc tổ chức khoá đào tạo.

1.10. Hoạt động quản lý một khoá đào tạo: tổ chức các cuộc họp triển khai khoá đào tạo, làm thêm giờ, thông tin liên lạc.

2. Đối với giảng viên: chuẩn bị bài giảng, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo bản điện tử.

3. Đối với học viên: học viên tham dự học đầy đủ và có hình ảnh minh chứng đã tham gia khoá đào tạo. Thực hiện đánh giá chất lượng khoá đào tạo (Mẫu 2 Phụ lục 3.3 Thông tư này).

Bước 3: Kết thúc khoá đào tạo: thực hiện theo quy định tại bước 3 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này, chỉ sử dụng bằng-rôn điện tử.

Mục 6

ĐÀO TẠO QUA HỆ THỐNG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN E-LEARNING

I. Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến

1. Xây dựng, thuê, mua hệ thống đào tạo trực tuyến, máy chủ, đường truyền

a) Hệ thống đào tạo trực tuyến: phần mềm Hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm: các tính năng hỗ trợ kiểm tra, kiểm soát chất lượng đào tạo trực tuyến (ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm; ra đề, chấm thi và đánh giá kết quả tự động; ngân hàng, câu hỏi tự luận), hệ thống quản lý học liệu điện tử (giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo, các bài tập tình huống), quản lý cơ sở dữ liệu người dùng (cơ sở dữ liệu học viên và cơ sở dữ liệu giảng viên), thiết kế và xây dựng các bài giảng, tạo môi trường kết nối, tương tác giữa các thành viên, thanh toán điện tử, theo dõi thống kê và báo cáo kết quả đào tạo học viên.

b) Thuê, mua máy chủ, đường truyền

- Thuê, mua sắm trang thiết bị hệ thống máy chủ.

- Thuê đường truyền, băng thông đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục.

c) Xây dựng các ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động thông minh và các chi phí liên quan (phí đăng ký, phí duy trì ứng dụng).

2. Xây dựng bài giảng trực tuyến, học liệu điện tử (bài giảng điện tử, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video clip) và các thông tin hỗ trợ đào tạo trực tuyến để tổng hợp, cập nhật vào hệ thống đào tạo trực tuyến, bao gồm:

a) Khảo sát, lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo, xác định nội dung bài giảng.

- c) Xây dựng chương trình khung.
- d) Xây dựng chương trình môn học.
- e) Biên soạn giáo trình mới.
- g) Xây dựng thư viện tài liệu học tập.
- h) Xây dựng đề thi, ngân hàng câu hỏi (trắc nghiệm, tự luận).
- i) Xây dựng kịch bản bài giảng trực tuyến.
- k) Số hóa và nhập dữ liệu, tạo lập thông tin điện tử.
- l) Xây dựng các bài giảng điện tử.

II. Tổ chức đào tạo trực tuyến

1. Tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá đào tạo trực tuyến (giới thiệu đến cộng đồng doanh nghiệp, tuyển sinh học viên).
2. Tổ chức hội thảo trực tiếp hoặc trực tuyến; diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, kết nối và tương tác giữa các học viên, doanh nghiệp.

III. Quản lý, vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến

1. Bảo trì, nâng cấp phần mềm hệ thống đào tạo trực tuyến; bổ sung, cập nhật các tính năng mới cho hệ thống đào tạo trực tuyến.
2. Duy trì hệ thống và vận hành hệ thống đảm bảo tính liên tục, không bị gián đoạn do đường truyền hoặc lỗi do hệ thống máy chủ.
3. Quản lý và lưu trữ các cơ sở dữ liệu của hệ thống đào tạo trực tuyến (bài giảng, tài liệu học tập, cơ sở dữ liệu học viên, cơ sở dữ liệu giảng viên và các tài liệu khác).
4. Tư vấn, hỗ trợ, giải đáp cho học viên trên hệ thống đào tạo trực tuyến các câu hỏi, vấn đề liên quan đến nội dung bài giảng.

Mục 7

ĐÀO TẠO TƯ VẤN VIÊN

Thực hiện như quy định tại Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư này.

PHỤ LỤC 3: MẪU HỢP ĐỒNG GIỮA TỔ CHỨC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỚI CÁC BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN, ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG¹

*(Áp dụng đối với trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ
DNNVV không trực tiếp cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ)*

Số: /20.... /HĐ-....

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số.... ngày ... tháng... năm của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ;

Căn cứ Thông báo hỗ trợ số.... /.... ngày.... tháng.... năm. của Bên A (ghi tên bên hỗ trợ);

Căn cứ nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày tháng..... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

BÊN HỖ TRỢ - CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV (BÊN A)

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế/số quyết định thành lập:

(nếu có) Mã số ngân sách nhà nước (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax: Số tài khoản:

tại Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng:

Người đại diện:

Chức danh:

BÊN NHẬN HỖ TRỢ - DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (BÊN B)

Tên DNNVV:

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:..... tại..... Ngân hàng:.....

Người đại diện:.....

Chức danh:.....

BÊN CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ (BÊN C):

a) Trường hợp tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ:

Tên tổ chức:..... Mã số của tổ chức tư vấn² (nếu có):.....

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế/số quyết định thành lập:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Fax:..... Số tài khoản:.....

tại..... Ngân hàng:.....

Người đại diện:..... Chức danh:.....

b) Trường hợp cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ:

Họ và tên:..... Mã số của cá nhân tư vấn³ (nếu có):.....

Đơn vị công tác, chức danh (nếu có):.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Ba bên thống nhất ký Hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. Nội dung, giá trị sản phẩm, dịch vụ cung cấp⁴

Ba bên thống nhất về nội dung sản phẩm, dịch vụ cung cấp, cụ thể như sau:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Mô tả chi tiết về sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính (nếu có)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tiến độ cung cấp sản phẩm, dịch vụ (từ ngày... đến ngày...)	Ghi chú
1...							
2...							
Tổng cộng	Toàn bộ công việc của hợp đồng				Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế, phí)		

ĐIỀU 2. Điều khoản thanh toán

Ba bên thống nhất việc thanh toán các sản phẩm, dịch vụ quy định tại Điều 1 như sau:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Thành tiền (VNĐ)	Tỷ lệ % so với tổng giá trị hợp đồng	Đơn vị thanh toán; nguồn kinh phí	Phương thức thanh toán	Thời hạn thanh toán	Ghi chú
1...			%	Ngân sách nhà nước hỗ trợ. Bên A chi trả cho Bên C.	TM/CK		
2...			%	DNNVV chi trả cho bên C.	TM/CK		
3...			%	Nguồn tài trợ (nếu có)	TM/CK		
Tổng cộng	Toàn bộ công việc của hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế, phí)	100%				

ĐIỀU 3: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên⁵

1. Bên A:

- Có quyền yêu cầu Bên B và Bên C cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung cung cấp sản phẩm, dịch vụ để giám sát kết quả hoạt động hỗ trợ.
- Kiểm tra, giám sát các nội dung, tiến độ thực hiện.
- Các trách nhiệm khác.

2. Bên B

- Cung cấp thông tin, tài liệu cho các bên liên quan tới thực hiện hợp đồng,
- Kiểm soát chất lượng và tiến độ công việc.
- Các trách nhiệm khác.

3. Bên C

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ đúng yêu cầu, đảm bảo về chất lượng, thời gian thực hiện.
- Các trách nhiệm khác.

ĐIỀU 4. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Quy định các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn dẫn tới không được hưởng số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5. Giải quyết tranh chấp

Quy định cách thức giải quyết tranh chấp.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày tháng..... năm đến ngày tháng.....năm.....

Hợp đồng này được lập thành bản, bên A giữ... bản, bên B giữ... bản, bên C giữ ... bản...
Các bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HỖ TRỢ DNNVV**

[ký tên, đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN DNNVV NHẬN
HỖ TRỢ**

[ký tên, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP

[ký tên, đóng dấu (nếu có)]

¹ Các bên có thể bổ sung thêm các điều, khoản để phù hợp với thực tế triển khai

² Trường hợp tổ chức tư vấn đã đăng ký trở thành tư vấn viên và được được cấp mã số tư vấn trên mạng lưới tư vấn của các bộ, ngành.

³ Trường hợp cá nhân tư vấn đã đăng ký trở thành tư vấn viên và được được cấp mã số tư vấn trên mạng lưới tư vấn của các bộ, ngành.

⁴ Căn cứ quy định tại Điều 4 Thông tư này để quy định chi tiết.

⁵ Căn cứ tình hình thực tế, các bên cụ thể hoá nội dung này tại Hợp đồng phù hợp với quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên khi tham gia Hợp đồng

PHỤ LỤC 4: MẪU HỒ SƠ KHÓA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Mẫu 1

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÓA ĐÀO TẠO¹

(Dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: Loại hình doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính: Quận/huyện:

..... Tỉnh/thành phố: Điện thoại:

..... Fax: Email:

2. Thông tin xác định doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:

Có vốn điều lệ do một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% trở lên:

☐ Có

☐ Không

Tên người quản lý điều hành doanh nghiệp:

3. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

Trong đó, số lao động nữ:

Tổng nguồn vốn năm trước liền kề: Tổng doanh

thu năm trước liền kề:

4. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

☐ Doanh nghiệp siêu nhỏ

☐ Doanh nghiệp nhỏ

☐ Doanh nghiệp vừa

5. Danh sách đăng ký tham gia khóa đào tạo (Ghi rõ khóa: khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp cơ bản, quản trị doanh nghiệp chuyên sâu, đào tạo tại doanh nghiệp)

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ nơi ở ²	Địa chỉ nơi đang công tác ³	Điện thoại liên lạc của học viên ⁴	Chức danh, vị trí hiện tại	Tên Khóa/ Chuyên đề đào tạo đăng ký tham gia	Hình thức đào tạo (trực tuyến, trực tiếp, trực tuyến kết hợp trực tiếp)
1...									

¹ Không áp dụng khi học viên tham gia Hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

² Phản ánh hiện trạng 6 tháng gần nhất.

DOANH NGHIỆP CAM KẾT

1. Về tính chính xác liên quan tới thông tin của doanh nghiệp.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Ghi chú: Các mục từ 1 đến 4 Mẫu này không phải kê khai nếu Phiếu đăng ký nộp cùng Tờ khai quy định tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

³ Phản ánh hiện trạng 6 tháng gần nhất.

⁴ DNNVV có thể cung cấp 01 số điện thoại của bộ phận hành chính, nhân sự làm đầu mối liên hệ.

Mẫu 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG KHÓA ĐÀO TẠO⁵

(Dành cho học viên⁶)

1. Họ và tên học viên:
2. Tên doanh nghiệp cử tham gia khóa đào tạo:
3. Khóa đào tạo mà học viên đã tham gia: - Tên khóa đào tạo: - Thời gian tham gia: - Địa điểm tổ chức: - Giảng viên:

Nhằm nâng cao chất lượng khóa đào tạo, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đề nghị học viên vui lòng đánh giá về chất lượng khóa đào tạo theo các nội dung sau:

Diễn giải	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1. Nội dung đào tạo				
2. Tài liệu giảng dạy				
3. Chất lượng giảng viên				
4. Công tác tổ chức khóa đào tạo				
5. Mức độ tiếp thu của học viên				
6. Thời lượng của khóa đào tạo	Dài	Vừa	Ngắn	

Kiến nghị của học viên/doanh nghiệp (nếu có):

.....

....., ngày tháng.... năm

⁵ Đơn vị đào tạo có thể tạo mẫu biểu điện tử để học viên đánh giá; không yêu cầu học viên ký xác nhận vào từng phiếu.

⁶ Đối với khóa đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này, từng học viên của DNNVV đánh giá khóa đào tạo theo mẫu này hoặc người đại diện theo pháp luật của DNNVV thực hiện đánh giá khóa đào tạo và ký tên, đóng dấu vào cuối phiếu.

Mẫu 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC KHÓA ĐÀO TẠO

(Dành cho đơn vị đào tạo)

ĐƠN VỊ

1. Thông tin chung về khóa đào tạo

- Tên khóa đào tạo/chuyên đề đào tạo:
- Họ và tên giảng viên: Trình độ:
- Thời gian tổ chức:
- Địa điểm tổ chức:
- Thời lượng đào tạo: ngày, trong đó: thời lượng hướng dẫn học viên thực hành là ngày, tương ứng với % thời lượng khóa đào tạo.
- Tình hình học viên tham gia khóa học:
 - + Tổng số học viên (HV) tham gia khóa đào tạo:, trong đó: Số HV hoàn thành khóa đào tạo:, chiếm tỷ lệ:
 - + Số học viên từ địa bàn đặc biệt khó khăn:
 - + Số học viên từ DNNVV do phụ nữ làm chủ/DNNVV nhiều lao động nữ/DNNVV là doanh nghiệp xã hội:
 - Tổng số DNNVV cử cán bộ tham gia khóa đào tạo..... doanh nghiệp.

2. Tổng hợp đánh giá chất lượng khóa đào tạo

TT	Nội dung			Khá		Trung bình		Kém	
		Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)	Số HV	Tỷ lệ (%)
1	Nội dung đào tạo								
2	Tài liệu giảng dạy								
3	Chất lượng giảng viên								
4	Công tác tổ chức đào tạo								
5	Mức tiếp thu của HV								
6	Thời lượng của khóa đào tạo	Dài: Số HV ... Tỷ lệ (%) ...		Vừa: Số HV ... Tỷ lệ (%) ...		Ngắn: Số HV ... Tỷ lệ (%) ...			

3. Đề xuất/kiến nghị (nếu có):

Cán bộ quản lý khóa đào tạo của đơn vị đào tạo
(Ký, họ tên)

Cán bộ kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV⁷
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký, họ tên, đóng dấu)

⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đấu thầu lựa chọn đơn vị đào tạo

DỰ TOÁN (BÁO CÁO QUYẾT TOÁN) KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN, TỔ CHỨC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ TOÁN (BÁO CÁO QUYẾT TOÁN) KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO

(Áp dụng cho khóa đào tạo: khởi sự kinh doanh/quản trị doanh nghiệp cơ bản
(chuyên sâu)/đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến/đào tạo
trực tuyến qua công cụ dạy học có sẵn đào tạo tư vấn viên)

DNNVV được hỗ trợ đào tạo (**):

Đơn vị đào tạo:

Địa điểm thực hiện:

Thời gian thực hiện:

Nội dung/chuyên đề đào tạo:

Hình thức tổ chức: ...

Số học viên tham gia:

(*1)

(Ghi rõ hình thức đào tạo

trực tiếp/kết hợp/trực tuyến);

PHẦN I - CHI TIẾT KINH PHÍ

Số TT	Chứng từ (**)		Nội dung chi	ĐV tính	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Ghi chú
	Ký hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NSNN hỗ trợ		Tài trợ (nếu có)	Tài học phí của học viên/DNNVV đóng góp	
								Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ			
a			b	c	d	e	$f = d \times e$	g	$h = g \times \text{tỷ lệ hỗ trợ}$	i	$j = f - h - i$	k
A			Tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo = A.1+A.2				(*2)	-	-	(*3)	(*4)	
A.1			Các nội dung chi được NSNN hỗ trợ:				-	(*5)	(*6)	(*7)	-	

-		... (Liệt kê chi tiết các nội dung chi hỗ trợ tương ứng với khóa đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 52/2023/TT-BTC)										
-		Chi hoạt động quản lý một khóa đào tạo (tối đa 10% tổng chi phí tại mục A.1)										
A.2		Các nội dung chi NSNN không hỗ trợ:				-	X	X	-	-		
-		... (Liệt kê chi tiết các nội dung chi NSNN không hỗ trợ nếu có)					X	X				
B		Hỗ trợ học phí cho học viên (*)	HV	(*8)	(*9)	X	X	(*10)	X	X		
		=> Cơ cấu chi phí tổ chức 01 khóa đào tạo:				(*2)	X	(*11)	(*3)	(*12)		

PHẦN II - DANH SÁCH HỌC VIÊN THAM GIA KHÓA HỌC (**)

Số TT	Danh sách DNNVV/Tên học viên (****)	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện tại	Chức danh, vị trí hiện tại	Điện thoại cá nhân	Ghi chú
A- DNNVV không thuộc đối tượng được NSNN hỗ trợ học phí cho học viên							
I	DNNVV: tên DN, địa chỉ, mã số thuế, ngành nghề kinh doanh chính; số lao động bình quân năm, tổng nguồn vốn/doanh thu của năm trước liền kề						
1	Tên học viên (thuộc DNNVV)						
...	...						
II	DNNVV (tên DN, địa chỉ, mã số thuế... Như mục I)						
...	Tên học viên (thuộc DNNVV)						
B- DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, DNNVV do nữ làm chủ/sử dụng nhiều lao động nữ, DNNVV là DN xã hội							
I	DNNVV: tên DN, địa chỉ, mã số thuế, ngành nghề kinh doanh chính; số lao động bình quân năm, tổng nguồn vốn hoặc doanh thu của năm trước liền kề; tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của thành viên góp vốn/cổ đông là nữ, tên người quản lý điều hành là nữ (áp dụng đối với DNNVV do nữ làm chủ); số lao động nữ (áp dụng đối với DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ); thông tin minh chứng là DN xã hội (áp dụng đối với DNNVV là DN xã hội)						
1	Tên học viên (thuộc DNNVV)						
...	...						

.... ngày ... thángnăm....

Người lập

(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO

(Ký, họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Ghi chú:

(*) : Áp dụng cho khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP

(**) : Áp dụng đối với Báo cáo quyết toán kinh phí

(***)

doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề, lĩnh vực hoạt động chính, số điện thoại liên lạc, số lao động bình quân/năm, tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu của năm)

(****) : Đối với khóa đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến: chỉ ghi theo học viên.

X : Không phản ánh

(*8) : Số học viên được hỗ trợ học phí xác định theo đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP

(*9) = [(*5) - (*6) - (*7)] : (*1)

(*10) = (*8) x (*9)

(*11) = (*6) + (*10)

(*12) = (*4) - (*10)

PHỤ LỤC 5: BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(Mẫu số 08a ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 08a
Mã hiệu:
Số:

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(Áp dụng đối với các khoản chi khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)

- Đơn vị sử dụng ngân sách:
- Mã đơn vị: Mã nguồn:
- Mã CTMTQG, Dự án ODA
- Căn cứ Hợp đồng số..... ký ngày.....tháng.....năm và phụ lục hợp đồng số.....ngày.....tháng.....năm giữa tên (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ); giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký:
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày tháng năm giữa (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ):

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
- Thanh toán tạm ứng:..... - Thanh toán trực tiếp:.....
7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước:.....
8. Số đề nghị thanh toán kỳ này:
- Thanh toán tạm ứng:..... - Thanh toán trực tiếp:.....

ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 6: ĐẤU THẦU LỰA CHỌN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV có thể thực hiện đấu thầu từ đầu năm hoặc tiến hành theo quý tùy thuộc vào kế hoạch của đơn vị. Mỗi hình thức có những đặc điểm và nội dung như sau:

Đánh giá	Đấu thầu từ đầu năm	Đấu thầu theo quý
Số lần đấu thầu	1 lần, ứng với tổng kinh phí được giao.	4 lần, dựa trên nhu cầu mà DN nộp theo quý
Hình thức	Giá gói thầu lớn, phải thực hiện đấu thầu qua mạng	Giá gói thầu nhỏ, hầu hết các gói thầu sẽ theo hình thức chỉ định thầu rút gọn hoặc đấu thầu theo Nghị định số 24/2024/NĐ-CP
Nhà thầu	Chỉ chọn được 1 nhà thầu hỗ trợ Công nghệ, 1 nhà thầu hỗ trợ tư vấn, 1 nhà thầu hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và 1 nhà thầu hỗ trợ doanh nghiệp KNST.	Chọn được rất nhiều nhà thầu theo nhu cầu của từng DNNVV
Nội dung nhà thầu có thể thực hiện	- Hạn chế (do mỗi nhà thầu chỉ cung cấp được 1 số dịch vụ. VD Misa trúng thầu chỉ cung cấp giải pháp CĐS) - Có những nội dung DNNVV cần nhưng không thể hỗ trợ (do nhà thầu không cung cấp được)	Rất đa dạng Hỗ trợ theo nhu cầu của <u>từng</u> DNNVV
Kinh nghiệm		Giải trình lý do tại Tờ trình KHLCNT “mỗi nội dung hỗ trợ cho mỗi DNNVV <u>là khác nhau</u> , mỗi DNNVV tại 1 địa điểm <u>khác nhau</u> ... nên một nhà thầu không thể cung cấp được, do đó phải hình thành nhiều gói thầu.

Với các gói hỗ trợ DNNVV theo NĐ80, hoạt động đấu thầu có thể thực hiện như sau:

PHỤ LỤC 7: MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN

QĐ 842/QĐ-BCT ngày 16/3/2020 Bộ Công Thương	QĐ 632/QĐ-BKHĐT 10/5/2021 Bộ Kế hoạch và Đầu tư	QĐ 376/QĐ-BTTTT 13/3/2023 Bộ Thông tin và Truyền thông	QĐ 58/QĐ-BNN-QLDN 10/1/2022 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	QĐ 2042/QĐ- BKHCN 17/10/2022 Bộ Khoa học và Công nghệ
http://arit.gov.vn/	https://business.gov.vn/tu-van-vien			
15 lĩnh vực tư vấn: An toàn thực phẩm, Rượu, Thuốc lá, Khí, Chuỗi phân phối, Đầu tư nguồn điện; Khuyến công, Cạnh tranh bảo vệ người dùng; Hóa chất; Cụm công nghiệp; Xuất khẩu; Xúc tiến đầu tư phát triển; Xúc tiến thương mại; Công nghiệp; Phòng vệ thương mại	6 lĩnh vực tư vấn: Khởi nghiệp, Quản trị doanh nghiệp, Đấu thầu, Đầu tư, Chuyển đổi số, tiếp cận tài chính	1 lĩnh vực tư vấn: Chuyển đổi số	4 lĩnh vực tư vấn: Công nghệ, Tư vấn toàn diện, KNST, Cụm chuỗi theo ND 80/2021/NĐ-CP	4 lĩnh vực tư vấn: Công nghệ, Tư vấn toàn diện, KNST, Cụm chuỗi theo ND 80/2021/NĐ-CP
Cục Công Thương địa phương	Cục Phát triển doanh nghiệp	Vụ Kinh tế số và Xã hội số	Vụ Kế hoạch	• Cục Phát triển thị trường • Cục Sở hữu trí tuệ • Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ • Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

TIÊU CHÍ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN

Đối tượng	STT	BỘ CÔNG THƯƠNG	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CÁ NHÂN TƯ VẤN	1	Công dân VN/ nước ngoài				
	2	<u>Bảng ĐH</u> + 03 năm/ CC hành nghề/ 05 năm kinh nghiệm sản xuất chế tạo.	<u>Bảng ĐH</u> /CC đào tạo/ hành nghề	<u>Bảng ĐH</u> /CC đào tạo/ hành nghề CNTT, CDS	<u>Bảng ĐH</u> /CC đào tạo/ hành nghề	
	3	01 năm kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp/tổ chức, dự án hỗ trợ DN	01 năm kinh nghiệm là GĐ DN 10 lđ/ CBQL/ CB tại tổ chức, dự án HTDNNVV/ CB TV DN	01 năm kinh nghiệm là GĐ DN 10 lđ/ CBQL/ CB tại tổ chức, dự án HTDNNVV/ CB Tư vấn về CNTT, CDS cho DN	01 năm kinh nghiệm là GĐ DN 10 lđ/ CBQL/ CB tại tổ chức, dự án HTDNNVV/ CB TV DN	Có hoạt động dịch vụ trong 4 lĩnh vực nêu trên
	4		Đã/ đang <u>01 Hợp đồng TV</u> 36 tháng cho DN	Đã/ đang <u>01 Hợp đồng TV</u> CNTT, CDS 36 tháng	Đã/ đang <u>02 Hợp đồng TV</u> 36 tháng	Đảm bảo đủ đk về đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm công tác
	5	Đáp ứng điều kiện CN				
	6	Có giấy phép LĐ				
TỔ CHỨC TƯ VẤN	1	TL, HĐ CN tư vấn; GP KDĐK		TL, HĐ thực hiện tư vấn CNTT, CDS	TL, HĐ CN tư vấn; GP KDĐK	
	2	Có trụ sở, phương tiện làm	Không yêu cầu gì		Có trụ sở, phương tiện làm	Có hoạt động dịch vụ trong các lĩnh vực nêu trên
	3	<u>02 cá nhân TV</u> , ký HĐ dài hạn	<u>02 cá nhân TV</u> , làm việc 12 tháng	<u>02 cá nhân TV</u> , CNTT, CDS làm việc 12 tháng	<u>15 cá nhân</u> , ký HĐ 12 tháng	Có kinh nghiệm, năng lực tư vấn phù hợp với 4 LV nêu trên
	4	Đã / đang thực hiện <u>10 Hợp đồng TV</u>	Đã/ đang <u>02 Hợp đồng TV</u> trong 36 tháng		Đã/ đang <u>05 Hợp đồng TV</u> trong 36 tháng	
RIÊNG	1	Đối với cá nhân	Không có			
	2	Đối với tổ chức				

NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN

1

Đơn đề nghị tham gia Mạng lưới của cá nhân tư vấn khai và ký tên (tổ chức tư vấn thì ký đóng dấu)
 ⇒ **MẪU** tại Phụ lục 2 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT

2

Sơ yếu lý lịch -> cá nhân TV; **Hồ sơ năng lực** -> tổ chức TV -> **MẪU** tại Phụ lục 2 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT

3

Các tài liệu chứng minh: QĐ, văn bản, chứng chỉ, giấy tờ chứng minh nội dung đã kê khai +
Hợp đồng đã tư vấn cho doanh nghiệp

Đối tượng	BỘ CÔNG THƯƠNG	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Cách nộp	- Nộp bản giấy - Nộp trực tuyến (chưa quy định cụ thể như thế nào)	- Nộp bản giấy -> sẽ hiện danh sách TVV được công nhận - Nộp trực tuyến trên Cổng thông tin https://business.gov.vn - Nộp email -> sẽ hiện danh sách TVV được công nhận	- Nộp trực tuyến trên Cổng thông tin https://dbi.gov.vn ký bằng chữ ký số.	- Nộp bản giấy - Nộp trực tuyến (chưa quy định cụ thể như thế nào)	- Nộp bản giấy - Nộp trực tuyến (chưa quy định cụ thể như thế nào)

Mẫu đăng ký tham gia mạng lưới TVV

(ban hành kèm theo TT 06/2022/TT-BKHĐT)

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN

NGÀNH

(Đối với cá nhân tư vấn)

Kính gửi:..... - Bộ:.....

Tôi tên là:.....

Đơn vị công tác, chức danh (nếu có):.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Kinh nghiệm hoạt động tư vấn:..... tháng/năm, trong lĩnh vực

(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đã thực hiện):.....

Số hợp đồng tư vấn đã thực hiện trong 36 tháng gần nhất:.....

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chí theo quy định, tôi đề nghị được tham gia Mạng lưới tư vấn viên ngành, lĩnh vực tư vấn.....

(Liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm).

(Kèm Hồ sơ năng lực cá nhân tại Biểu 1 và các giấy tờ liên quan, nếu có).

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

.....,ngàytháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN
NGÀNH

(Đối với tổ chức tư vấn)

Kính gửi:..... - Bộ:.....

Chúng tôi là (tên tổ chức):.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Kinh nghiệm hoạt động tư vấn của tổ chức:..... tháng/năm

Các lĩnh vực thực hiện tư vấn *(liệt kê các lĩnh vực tư vấn tổ chức đã thực hiện)*:.....

Tổng số hợp đồng tư vấn đã thực hiện trong 36 tháng gần nhất:.....

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chí theo quy định, chúng tôi đề nghị được tham gia Mạng lưới tư vấn viên ngành, lĩnh vực tư vấn.....

(liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của tổ chức).

(Kèm Hồ sơ năng lực tổ chức/công ty tại Biểu 2 và các giấy tờ liên quan, nếu có).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của tổ chức tư vấn

(Họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

SƠ YẾU LÍ LỊCH VÀ HỒ SƠ NĂNG LỰC CÁ NHÂN TƯ VẤN

Biểu 1

Ảnh 4x6

1. Lĩnh vực tư vấn đề xuất (liệt kê các lĩnh vực tư vấn đăng ký phù hợp với năng lực, kinh nghiệm):

2. Thông tin chung về tư vấn

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Tên tổ chức, cơ quan đang làm việc (nếu có):

Tên của các tổ chức, hiệp hội/hội nghề nghiệp đang tham gia (nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Quốc tịch:

Chứng minh thư/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Nơi cấp: **Ngày cấp**

Thông tin liên hệ:

- Số điện thoại:

- Email:

- Địa chỉ các trang mạng xã hội cá nhân (nếu có):

3. Trình độ đào tạo: (Liệt kê các ngành học đã tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp)

STT	Thời gian học	Tên trường	Ngành học	Bằng tốt nghiệp
...	...	...	...	...

4. Các khóa đào tạo ngắn hạn liên quan đến lĩnh vực tư vấn (Liệt kê các khóa đào tạo ngắn hạn đã tham gia và được cấp chứng chỉ/chứng nhận)

STT	Tên khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Địa điểm tổ chức	Thời gian tổ chức
...	...	...	...	...

5. Trình độ ngoại ngữ (Cho biết mức độ thành thạo theo các mức đánh giá: Xuất sắc, Tốt, Trung bình hoặc Yếu)

STT	Ngôn ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
...	...	...	...	...	...

6. Quá trình công tác: (Theo thứ tự thời gian từ gần nhất đến xa nhất các công việc đã thực hiện):

1	Năm công tác:	...
	Đơn vị công tác:	...
	Các chức danh và nhiệm vụ chính:	...

7. Các dự án/hợp đồng tư vấn đã thực hiện:

STT	Nội dung	Mô tả
1	<i>Tên dự án/hợp đồng</i>	
	<i>Thời gian thực hiện</i>	
	<i>Địa điểm thực hiện</i>	
	<i>Đơn vị thuê/chủ dự án</i>	
	<i>Chức danh tại dự án/hợp đồng</i>	
	<i>Các nhiệm vụ chính đã thực hiện</i>	
2		

8. Các ấn phẩm, bài báo, đề tài có liên quan đến lĩnh vực tư vấn đã xuất bản hoặc tham gia

STT	Ấn phẩm	Vai trò (chủ biên, thành viên...)	Đơn vị xuất bản	Năm
1	<i>Sách ...</i>			
2	<i>Bài báo ...</i>			
3	<i>Báo cáo ...</i>			
4	<i>Nghiên cứu ...</i>			

9. Người đối chiếu thông tin (Thông tin của tối thiểu 03 người có thể xác minh các thông tin đã kê khai)

STT	Họ và tên	Nơi công tác	Chức vụ	Số điện thoại	Email cá nhân
1	...				
2	...				
3	...				
...	...				

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trong hồ sơ là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



AED | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP



Australian Government
Department of Foreign Affairs and Trade



CẨM NANG HƯỚNG DẪN

TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ